

Bản tin

Thông tin Thương mại

Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại – Bộ Công Thương

Thông tin chọn lọc, theo yêu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp
chuyên ngành Sản phẩm gỗ và Hàng thủ công mỹ nghệ

Số 39 ra ngày 25/9/2023

Trong số này:

Trang

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**TRUNG TÂM THÔNG
TIN CÔNG NGHIỆP
VÀ THƯƠNG MẠI -
BỘ CÔNG THƯƠNG**

Phòng Thông tin

Xuất nhập khẩu

655 Phạm Văn Đồng –
Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Bộ phận biên tập:

Tel: (024) 22192875

Phụ trách nội dung

ĐD: 0986836889

**Bộ phận tư vấn thông
tin và phát hành:**

Tel: (024) 37152586

(024) 37152585

(024) 37152584

Fax: (024) 37152574

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN..... 2

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN3

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU 5

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có tín hiệu phục hồi..... 5

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần..... 9

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm mạnh về lượng và trị giá..... 13

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần..... 18

Tháng 8/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm tăng trở lại.. 21

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ..... 24

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ..... 26

Trung Quốc tăng cường kích cầu bất động sản, mang lại lợi ích cho thị trường gỗ..... 26

EU đặt ra giới hạn mới về formaldehyde trong sản phẩm tiêu dùng . 26

THAM KHẢO 27

Thương vụ Việt Nam tại Australia lưu ý nguy cơ về gian lận thương mại..... 27

Indonesia áp dụng thuế tự vệ bổ sung đối với sản phẩm thảm và các loại hàng dệt trải sàn nhập khẩu..... 28

Đề nghị không sao chép dưới mọi hình thức.

Doanh nghiệp có ý kiến phản hồi xin gửi về Ban biên tập

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý TRONG TUẦN

1. Kinh tế thế giới

Các thông tin công bố trong tuần cho thấy kinh tế Mỹ tăng trưởng mạnh hơn dự báo, kinh tế Trung Quốc xuất hiện tín hiệu khả quan, trong khi kinh tế châu Âu vẫn khó khăn.

Tại Mỹ: Trong cuộc họp tháng 9/2023, FED đánh giá kinh tế Mỹ đã tăng trưởng mạnh hơn dự báo với chi tiêu tiêu dùng vẫn mạnh, bất chấp những đợt nâng lãi suất quyết liệt và lạm phát cao, trong khi thị trường lao động thắt chặt. Tháng 8/2023, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Mỹ có mức tăng hàng tháng mạnh nhất trong năm nay do giá năng lượng và nhiều hàng hóa khác tăng mạnh. Theo đó, chỉ số CPI của Mỹ tháng 8/2023 tăng 0,6% so với tháng trước và tăng 37% so với cùng kỳ năm 2022; CPI lõi tăng 0,3% so với tháng trước và tăng 4,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Trước những diễn biến của nền kinh tế, FED đã quyết định giữ nguyên lãi suất chính sách trong khoảng 5,25 - 5,50%, trong khi các dự báo cập nhật cho thấy 12/19 nhà hoạch định chính sách của cơ quan này ủng hộ một đợt tăng lãi suất nữa vào năm 2023 để đảm bảo lạm phát tiếp tục giảm tốc. FED cũng dự báo chính sách tiền tệ sẽ được nới lỏng ít hơn trong năm 2024, nhờ vào sự mạnh mẽ của nền kinh tế và thị trường lao động, kỳ vọng lãi suất chính sách sẽ giảm xuống mức 5,1% vào cuối năm 2024, tăng so với mức dự báo đưa ra vào tháng 6/2023 là 4,6%. FED cũng dự báo lạm phát sẽ giảm xuống dưới 3% trong năm 2024 và quay trở lại mức 2% vào năm 2026. Tuy nhiên, FED dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ sẽ chậm lại vào năm 2024, xuống còn 1,5%, sau khi điều chỉnh tốc độ tăng trưởng của năm 2023 lên mức 2,1%. Cơ quan này cũng dự báo thị trường lao động tiếp tục thắt chặt với điều chỉnh hạ dự báo tỷ lệ thất nghiệp xuống mức 4,1% vào năm 2024, thấp hơn so với mức 4,5% được dự báo hồi tháng 6/2023.

Tại Trung Quốc: Kinh tế Trung Quốc đã xuất hiện một vài thông tin tích cực với doanh số bán lẻ và sản xuất công nghiệp tăng trưởng mạnh hơn dự báo trong tháng 8/2023. Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, doanh số bán lẻ của nước này tháng 8/2023 tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn dự báo tăng 3% và cao hơn so với mức tăng 2,5% của tháng 7/2023. Trong khi đó, sản xuất công nghiệp tháng 8/2023 tăng 4,5%, cao hơn dự báo tăng 3,9% và cũng cao hơn mức 3,7% trong tháng 7/2023. Đây là mức tăng sản lượng công nghiệp mạnh nhất kể từ tháng 4/2023, sau các biện pháp hỗ trợ gần đây từ Chính phủ Trung Quốc nhằm thúc đẩy phục hồi kinh tế. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, sản lượng công nghiệp của Trung Quốc tăng 3,9%. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị của Trung Quốc giảm xuống 5,2% vào tháng 8/2023 từ mức 5,3% trong tháng 7/2023, trở lại mức thấp nhất trong 16 tháng của tháng 6/2023. Tuy nhiên, đầu tư vào tài sản cố định tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022, thấp hơn dự báo tăng 3,3% và cũng chậm hơn mức 3,4% trong tháng 7/2023, do đầu tư bất động sản giảm mạnh và đầu tư cơ sở hạ tầng chậm lại.

Để hỗ trợ nền kinh tế, ngày 14/9/2023, Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) công bố giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc 25 điểm cơ bản từ ngày 15/9/2023. Đây là đợt giảm tỷ lệ lãi suất bắt buộc thứ 2 trong năm nay.

Trong vài tuần qua, Bắc Kinh đưa ra hàng loạt biện pháp để hỗ trợ thị trường bất động sản và tiêu dùng. Chính sách tiền tệ nhìn chung vẫn tương đối nới lỏng so với các quốc gia như Mỹ và châu Âu. PBoC cũng giảm tỷ lệ dự trữ ngoại hối bắt buộc đối với các định chế tài chính từ 6% xuống 4%. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc đã giữ lãi suất cơ bản cho vay ở mức thấp kỷ lục, khi ngân hàng này chuyển sang cân bằng giữa việc hỗ trợ phục hồi kinh tế và ngăn chặn sự suy yếu của đồng nội tệ. PBoC giữ lãi suất cho vay cơ bản (LPR) kỳ hạn một năm ở mức 3,45%, trong khi LPR kỳ hạn 5 năm, được sử dụng để xác định lãi suất thế chấp, cũng không đổi ở mức 4,20%. Cả hai lãi suất đều ở mức thấp kỷ lục trong lịch sử sau 3 lần cắt giảm trong năm qua.

Tuy nhiên, nền kinh tế Trung Quốc vẫn đối mặt với nhiều khó khăn khi nhu cầu nhập khẩu từ thị trường nước ngoài chưa phục hồi; Lĩnh vực bất động sản, chiếm gần 1/4 GDP, cũng đang phải vật lộn với cuộc khủng hoảng nợ đang gia tăng, có nguy cơ ảnh hưởng tới cả nền kinh tế.

Tại châu Âu: Theo dữ liệu chính thức được mới được Eurostat, kinh tế Khu vực sử dụng đồng euro (Eurozone) chỉ tăng trưởng 0,1% trong quý II/2023, thấp hơn so với ước tính trước đó, trong khi kinh tế EU vẫn không thay đổi. Nhìn chung, kinh tế châu Âu vẫn trì trệ do phải chịu lãi suất cao, giá năng lượng tăng và suy thoái toàn cầu. Khu vực dường như đang trong tình trạng lạm phát đình trệ, một hiện tượng kinh tế kết hợp giữa trì trệ và lạm phát, nghĩa là nền kinh tế không tăng trưởng và lạm phát vẫn ở mức cao. Lạm phát cao kéo dài khiến Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã liên tục tăng lãi suất trong nỗ lực kiềm chế lạm phát. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã tăng lãi suất tiền gửi thêm 0,25 điểm phần trăm lên 4% vào ngày 15/9/2023, đánh dấu lần tăng thứ 10 liên tiếp. Trong dự báo mới nhất, Ủy ban châu Âu (EC) điều chỉnh hạ dự báo tỷ lệ lạm phát năm nay xuống 5,6% từ mức 5,8% trong báo cáo trước đó; lạm phát sẽ giảm xuống 2,9% vào năm 2024, nhưng con số này cũng tăng nhẹ so với mức dự báo 2,8% được đưa ra hồi tháng 5/2023. Theo EC, tăng trưởng kinh tế của khu vực gồm 20 nước thành viên Eurozone năm 2024 sẽ đạt 1,3%, giảm so mức dự báo 1,6% được đưa ra trước đó. Tăng trưởng kinh tế của 27 nước thành viên EU năm tới sẽ ở mức 1,4%.

2. Kinh tế trong nước

Kinh tế trong nước xuất hiện tín hiệu khả quan khi hoạt động xuất khẩu hàng hóa trong 15 ngày đầu tháng 9/2023 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022. Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong 15 ngày đầu tháng 9/2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 14,3 tỷ USD, tăng 11,94% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, xuất khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 33,5%; Điện thoại các loại và linh kiện tăng 6,8%; thủy sản tăng 5,7% và hàng rau quả tăng 192,4%..., trong khi xuất khẩu hàng dệt may và giày dép các loại vẫn giảm lần lượt 1,1% và 22,3%. Lũy kế từ đầu năm đến 15/9/2023, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam đạt 242,04 tỷ USD, giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Đây là tín hiệu cho thấy hoạt động xuất khẩu hàng hóa các tháng cuối năm 2023 sẽ dần phục hồi. Theo nhiều doanh nghiệp, lượng đơn hàng xuất khẩu của các ngành hàng chủ lực như dệt may, thủy sản, giày dép... cuối năm dồi dào hơn. Theo nhiều doanh nghiệp cho biết, hiện nay tại thị trường Mỹ khách hàng đã bắt đầu tăng đặt hàng trở lại cho những tháng cuối năm và đầu vụ Xuân Hè 2024. Các đơn hàng cho quý IV/2023 cũng đã dồi dào hơn trước. Nhiều doanh nghiệp da giày cũng đã nhận những tín hiệu tích cực hơn về tình hình đơn hàng.

Trong khi đó, lãi suất vay ngân hàng tháng 9/2023 ở nhiều ngân hàng đã giảm so với tháng trước. Đây được cho là tín hiệu tích cực sau hàng loạt chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước về việc giảm lãi suất cho vay. Tháng 9/2023, một số ngân hàng đã tung nhiều gói ưu đãi giảm lãi suất khoản vay mới để kích cầu tín dụng. Trong khi đó, các khoản vay cũ cũng được điều chỉnh nhưng giảm chậm hơn so với khoản vay mới. So với thời điểm đầu năm, lãi suất vay ngân hàng cho các khoản vay hiện hữu đã giảm từ 1-2%. Mặc dù mức giảm chưa mạnh, nhưng cũng là yếu tố hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong thời gian tới.

THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý NGÀNH SẢN PHẨM GỖ VÀ TCMN

TRONG NƯỚC:

- Ước tính, trong tháng 9/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,3 tỷ USD, giảm 3,1% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 12,2% so với tháng 9/2022. Trong

đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 813 triệu USD, giảm 3,1% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 10,7% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 9,7 tỷ USD, giảm 20,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 6,5 tỷ USD, giảm 23,9% so với cùng kỳ năm 2022.

- Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023 đạt 349,1 triệu USD, tăng 1,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 207 triệu USD, giảm 5,9% so với tuần trước.
- Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 9/2023 ước tính đạt 390,4 nghìn m³, trị giá 126,9 triệu USD, tăng 10,4% về lượng và tăng 10,0% về trị giá so với tháng 8/2023; tuy nhiên so với tháng 9/2022 giảm 22,8% về lượng và giảm 30,9% về trị giá. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước đạt 3,242 triệu m³, trị giá 1,118 tỷ USD, giảm 29,1% về lượng và giảm 36,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 46,6 triệu USD, giảm 10,2% so với tuần trước.
- Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 8/2023 tăng trở lại, đạt 64,38 triệu USD, tăng 4,2% so với tháng 7/2023 và tăng 4,4% so với tháng 8/2022. Như vậy, đây là tháng thứ 3 liên tiếp xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 485,63 triệu USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2022.
- Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 05/9/2023 đến 19/9/2023 đạt 30,28 triệu USD, tăng 9,3% so với kỳ trước (từ 22/8/2023 đến 05/9/2023).

QUỐC TẾ:

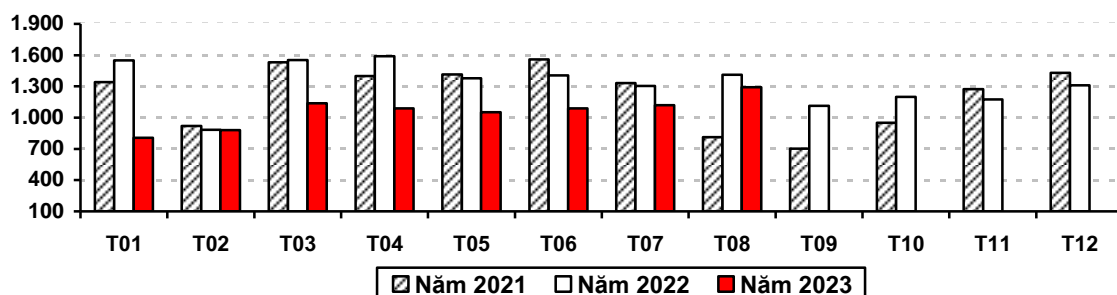
- **Trung Quốc:** Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) của Trung Quốc đạt 52,6% trong tháng 8/2023, đây là tháng thứ hai liên tiếp vượt ngưỡng 50% (cho thấy sự tăng trưởng trong lĩnh vực này). Trung Quốc đã ban hành chính sách nhà ở quốc gia mới vào cuối tháng 8/2023, theo đó 4 thành phố hạng nhất ở Trung Quốc là Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu và Thâm Quyển đã thông báo: “các gia đình không sở hữu tài sản trong khu vực, bất kể họ có mua nhà hay không, khoản vay để mua nhà trước đây sẽ được coi là người mua nhà lần đầu, đủ điều kiện để được hưởng các điều kiện thế chấp thuận lợi”. Chính sách này có thể thúc đẩy tăng trưởng thị trường gỗ ở Trung Quốc.
- **EU:** Các biện pháp mới được Ủy ban Châu Âu thông qua vào tháng 7/2023 đã thiết lập giới hạn phát thải tối đa đối với formaldehyde trong các sản phẩm tiêu dùng. Các quy tắc nhằm giảm tác động xấu đến sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc với formaldehyde. Đối với các sản phẩm gỗ và đồ nội thất bằng gỗ cũng như nội thất của phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn liên quan trong thời gian tới là 0,062 mg/m³ formaldehyde trong không khí trong nhà. Đối với tất cả các mặt hàng khác như dệt may, da, nhựa, vật liệu xây dựng hoặc sản phẩm điện tử, giới hạn mới là 0,080 mg/m³.

TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có tín hiệu phục hồi

Ước tính, trong tháng 9/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,3 tỷ USD, giảm 3,1% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 12,2% so với tháng 9/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 813 triệu USD, giảm 3,1% so với tháng 8/2023, nhưng tăng 10,7% so với tháng 9/2022. Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 9,7 tỷ USD, giảm 20,8% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 6,5 tỷ USD, giảm 23,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2021 - 2023 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tín hiệu phục hồi xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ xuất hiện trong tháng 8/2023, khi kim ngạch xuất khẩu đạt gần 1,3 tỷ USD, tăng 15,2% so với tháng 7/2023, cho dù vẫn giảm 9,4% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, hầu hết các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ đều giảm, tuy nhiên biên độ giảm thu hẹp. Trong đó, dẫn đầu về kim ngạch xuất khẩu là mặt hàng ghé khung gỗ đạt 1,8 tỷ USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là mặt hàng dăm gỗ đạt 1,4 tỷ USD, giảm 20,5%; đồ nội thất phòng khách và phòng ăn đạt 1,3 tỷ USD, giảm 38,3%; gỗ, ván và ván sàn đạt 1,1 tỷ USD, giảm 19,1%... Xuất khẩu giảm là do trong nửa đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu tới các thị trường chính như Mỹ, EU... giảm đáng kể, cùng với tình hình địa chính trị diễn biến phức tạp, ảnh hưởng đến vấn đề logistics cũng như giá nguyên liệu, vật tư đầu vào... Ngoài ra, chính sách bảo hộ cũng như phòng vệ thương mại của các quốc gia tiếp tục phát huy nhằm bảo hộ cho các sản phẩm hàng hóa sản xuất trong nước phần nào ảnh hưởng đến thương mại gỗ của Việt Nam.

Tuy nhiên, trong những tháng gần đây các doanh nghiệp trong ngành gỗ cũng đang nhận được tương tác tích cực hơn từ đối tác mua hàng. Một số doanh nghiệp có đơn hàng mới đã bắt đầu tổ chức cho công nhân tăng ca trở lại hoặc tuyển thêm lao động. Các đơn hàng đã tăng trở lại nhưng chưa nhiều, thời gian đặt đơn hàng từ người mua quốc tế cũng khá sát chứ không dài hạn như trước. Song đây là sự hồi phục tích cực, các nhà sản xuất Việt Nam trong tâm thế sẵn sàng nhận đơn và duy trì sản xuất. Bên cạnh tín hiệu tích cực tại thị trường trong nước, còn có một số tín hiệu được ghi nhận ở thị trường quốc tế cho ngành gỗ xuất khẩu. Cụ thể: chỉ số tiêu dùng tại Mỹ bắt đầu tăng trở lại, hàng tồn kho nội thất giảm, ngành xây dựng đang có xu hướng gia tăng về nhu cầu...

Đáng chú ý, trong bối cảnh nhu cầu của các thị trường truyền thống sụt giảm kéo dài, bên cạnh các hoạt động liên kết xúc tiến thương mại của hiệp hội ngành hàng, nhiều doanh nghiệp ngành gỗ đã chủ động mở rộng thị trường, thâm nhập các thị trường tiềm năng mới như Trung Đông, Ấn Độ... góp phần giải quyết các khó khăn đang phải đối mặt.

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Tuy nhiên, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các thị trường mới chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, nên mức bù đắp không lớn và tín hiệu phục hồi từ các thị trường lớn vẫn còn nhiều thách thức.

Bên cạnh nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng đồ gỗ giảm, thì các quốc gia nhập khẩu cũng có nhiều chính sách mới gây khó khăn cho doanh nghiệp chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Cụ thể, quy định mới của EU về chống phá rừng; việc phòng vệ thương mại ngày càng nhiều và phức tạp; các sản phẩm gỗ của Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản phải có chứng chỉ bền vững; áp dụng Luật nghĩa vụ thẩm định doanh nghiệp trong cung ứng, tác động gián tiếp đến các nhà xuất khẩu Việt Nam đối với thị trường Đức. Từ năm 2020 tới nay, ngành gỗ đã đối diện với 5 vụ việc: 4 vụ việc xuất phát từ thị trường Mỹ (vụ việc 301, gỗ dán cứng, tủ gỗ, sản phẩm sử dụng mặt đá nhập từ Trung Quốc); 1 vụ việc xuất phát từ thị trường Canada. Do đó, các nhà xuất khẩu Việt Nam phải cung cấp thêm các chứng nhận liên quan nguồn gốc sản phẩm, tình trạng sử dụng lao động, tiền lương, xử lý chất thải, các chứng chỉ amfori BSCI, SA 8000, SMETA, FSC,...

Do đó, dự báo xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ khó hoàn thành mục tiêu 17 tỷ USD đề ra trong năm 2023.

Để ngành gỗ phát triển bền vững, các doanh nghiệp ngành gỗ cần tuân thủ các quy định tại các thị trường nhập khẩu; chủ động phát triển các dòng sản phẩm mới để đa dạng hóa sản phẩm phù hợp thị hiếu người tiêu dùng tại các thị trường tiềm năng; tích cực triển khai một số giải pháp để mở rộng kết nối thị trường trong và ngoài nước để thúc đẩy xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ...

Bên cạnh đó, Chính phủ cần thống nhất quy định về truy xuất nguồn gốc gỗ hợp pháp của các thị trường nhập khẩu. Đây là yêu cầu cấp thiết trong thời gian tới để thúc đẩy phát triển gỗ rừng trồng bền vững; thí điểm mô hình phát triển doanh nghiệp theo hướng kinh tế xanh, trong đó, hướng tới cam kết "netzero" trong ngành gỗ; chỉ đạo cơ quan ngoại giao tại nước ngoài tăng cường hỗ trợ cộng đồng doanh nghiệp xuất, nhập khẩu; thường xuyên tổ chức hội nghị đối thoại với các doanh nghiệp xuất khẩu gỗ để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn trong hoàn thuế giá trị gia tăng và trong việc xác minh, truy xuất nguồn gốc gỗ rừng trồng trong nước; giảm và đi đến hạn chế nhập khẩu gỗ rừng tự nhiên không có chứng chỉ, đặc biệt là những vùng địa lý nhiều rủi ro... Đồng thời, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực chủ động, ứng phó, giải quyết các vụ việc cạnh tranh thương mại, hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng các vụ kiện gây ra. Ngoài ra, nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ và đổi mới công nghệ, thuế và tín dụng cho các làng nghề dùng sử dụng gỗ nguyên liệu nhập khẩu từ các thị trường rủi ro; chính sách mua sắm công, ưu tiên sử dụng sản phẩm đồ gỗ nội thất được chế biến từ gỗ rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững, gỗ hợp pháp; hoàn thiện hệ thống pháp luật, kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc gỗ nguyên liệu.

Mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Mặt hàng	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	1.290.522	-9,4	8.485.245	-24,1	100,0	100,0
Ghế khung gỗ	248.106	14,3	1.760.322	-15,8	20,7	18,7
Dăm gỗ	256.222	-28,8	1.437.640	-20,5	16,9	16,2
Đồ nội thất phòng khách và phòng ăn	211.051	-16,9	1.325.068	-38,3	15,6	19,2
Gỗ, ván và ván sàn	168.604	21,9	1.124.268	-19,1	13,2	12,4
Đồ nội thất phòng ngủ	160.499	-16,0	1.022.245	-37,4	12,0	14,6
Đồ nội thất nhà bếp	109.934	-3,8	734.652	-22,2	8,7	8,4

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Mặt hàng	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Viên gỗ nén	66.372	-0,1	446.449	-6,8	5,3	4,3
Đồ nội thất văn phòng	26.154	-22,5	172.611	-32,8	2,0	2,3
Cửa gỗ	5.414	12,5	29.262	-21,6	0,3	0,3
Đồ gỗ mỹ nghệ	3.012	31,2	17.073	-17,3	0,2	0,2
Khung gương	156	-41,3	1.624	-50,9	0,0	0,0

Nguồn: Thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường chính trong 8 tháng đầu năm 2023 vẫn giảm đáng kể, tuy nhiên mức giảm đang có xu hướng thu hẹp. Các thị trường xuất khẩu lớn của ngành gỗ Việt Nam như Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Anh... đã cho thấy tín hiệu hồi phục khi người tiêu dùng bắt đầu quay lại cửa hàng mua sắm sau thời gian dài thắt chặt chi tiêu. Dù có những tín hiệu tích cực, song dự báo bối cảnh kinh tế thế giới cũng còn nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Mặc dù đã chững lại, nhưng lạm phát vẫn ở mức cao tại các thị trường; trong khi tình hình địa chính trị, đặc biệt là xung đột giữa Nga và Ucraina vẫn diễn biến phức tạp, khiến chuỗi cung ứng toàn cầu tiếp tục đứt gãy, giá cả nhóm hàng nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất vẫn duy trì ở mức cao, điều này tác động lớn tới ngành gỗ.

Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tới các thị trường tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	1.290.522	-9,4	8.485.245	-24,1	100,0	100,0
Mỹ	674.553	-1,4	4.552.570	-27,1	53,7	55,8
Nhật Bản	170.478	-15,7	1.117.834	-8,9	13,2	11,0
Trung Quốc	202.052	-27,6	1.066.018	-25,8	12,6	12,8
Hàn Quốc	62.171	-16,0	524.146	-22,5	6,2	6,0
EU	36.978	-9,3	272.585	-38,4	3,2	4,0
Pháp	7.992	-15,9	64.425	-27,3	0,8	0,8
Hà Lan	7.618	97,9	42.577	-30,5	0,5	0,5
Đức	4.956	-30,8	38.816	-54,6	0,5	0,8
Bỉ	3.534	-4,7	26.412	-47,7	0,3	0,5
Tây Ban Nha	2.849	7,3	24.610	-10,2	0,3	0,2
Đan Mạch	2.449	-5,3	17.088	-46,6	0,2	0,3
Ái Len	2.499	31,3	13.485	-22,4	0,2	0,2
Italia	1.130	-57,0	10.550	-43,6	0,1	0,2
Thụy Điển	1.077	-44,9	10.205	-51,8	0,1	0,2
Ba Lan	961	-56,5	9.082	-55,0	0,1	0,2
Rumani	636	7,8	3.849	-23,0	0,0	0,0
...						
Canada	18.641	-11,4	125.193	-28,5	1,5	1,6
Anh	17.621	-0,7	123.552	-26,5	1,5	1,5
Malaysia	13.488	13,9	93.949	-9,6	1,1	0,9
Australia	16.825	-1,9	92.149	-32,0	1,1	1,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 8/2023 (Nghìn USD)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
					8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Ấn Độ	13.815	334,5	64.924	265,8	0,8	0,2
Indonesia	4.980	150,1	58.174	186,2	0,7	0,2
Đài Loan	5.089	-62,5	44.441	-29,4	0,5	0,6
Thái Lan	5.964	18,7	38.955	-16,0	0,5	0,4
Singapore	3.358	-12,7	25.381	-12,6	0,3	0,3
Campuchia	4.021	64,4	21.793	31,5	0,3	0,1
Mexico	3.560	8,5	20.777	-5,0	0,2	0,2
Ả Rập Xê út	1.954	-35,7	18.459	-33,4	0,2	0,2
UAE	2.216	-32,9	12.734	-36,1	0,2	0,2
New Zealand	2.691	-25,8	12.464	-41,6	0,1	0,2
Philipine	1.923	-18,2	10.835	-19,6	0,1	0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	773	135,6	9.529	350,4	0,1	0,0
Chilê	1.402	38,8	9.417	-10,5	0,1	0,1
Puerto Rico	1.874	8,0	8.843	-4,1	0,1	0,1
Ixraen	618	11,6	5.437	10,9	0,1	0,0
Nam Phi	1.226	6,5	4.602	-33,5	0,1	0,1
Lào	2.226	1500,9	4.455	-11,2	0,1	0,0
Reunion	156	55,7	3.961	476,6	0,0	0,0
Andora	472	-76,2	3.589	-57,2	0,0	0,1
Ai Cập	380	-7,9	3.582	-35,9	0,0	0,0
Kô-eot	164	-20,0	2.531	35,9	0,0	0,0
Na Uy	597	113,9	2.508	15,2	0,0	0,0
Nga	573	163,4	2.394	-0,1	0,0	0,0
Hồng Kông	465	50,3	2.496	-25,5	0,0	0,0
Irắc	160	-25,4	2.027	208,7	0,0	0,0
Trinidad & Tobago	360	229,9	1.794	179,9	0,0	0,0
Oman	204	-24,5	1.600	101,5	0,0	0,0

Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Doanh nghiệp xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam đạt kim ngạch cao trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	29.440	216.179
CTY TNHH TIMBERLAND	20.454	163.935
CTY TNHH HÀO HƯNG	29.153	156.324
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	19.138	142.606
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	18.037	130.261
CTY TNHH MILLENNIUM FURNITURE	17.955	123.347
CTY TNHH THANH THÀNH ĐẠT	20.463	121.402
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	11.867	83.134
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	9.339	76.717
CTY CỔ PHẦN NGUYỆT ANH	11.500	76.572

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Doanh nghiệp	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	8 tháng năm 2023 (nghìn USD)
CTY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH HỌC PHÚ TÀI	13.500	64.206
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÀO HƯNG QUẢNG NGÃI	22.551	58.383
CTY TNHH ROCHDALE SPEARS	8.168	56.115
CTY TNHH HOÀNG ĐẠI VƯƠNG	9.407	49.324
CTY TNHH XNK DẶM GỖ QUẢNG NINH	8.310	48.269
CTY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN LÂM SẢN ĐẠI DƯƠNG	6.035	47.692
CTY TNHH SX NGUYÊN LIỆU GIẤY VIỆT NHẬT CÁI LÂN	10.857	45.928
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GRAND WOOD (VIỆT NAM)	8.233	45.490
CTY TNHH DANH ƯU	4.837	42.868
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP GỖ KAISER 1 (VIỆT NAM)	6.790	41.217
CTY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI BÌNH AN PHÚ	10.450	40.776
CTY TNHH NỘI THẤT GOLDENLAND VIỆT NAM	5.886	40.429
CTY TNHH SHING MARK VINA.	7.763	40.275
CTY CỔ PHẦN JOHNSON WOOD	4.096	38.213
CTY CỔ PHẦN 12 - 11 HẠ LONG	0	37.689
CTY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ QUỐC TẾ VÀ XNK DHT	6.111	37.680
CTY TNHH RK RESOURCES	4.391	37.563
CTY CỔ PHẦN LÂM SẢN PISICO QUẢNG NAM	2.961	35.449
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TIMBER INDUSTRIES	4.100	35.374
CTY CỔ PHẦN TEKCOM	4.686	35.362
CTY CỔ PHẦN EASTWOOD ENERGY	3.523	34.057
CTY CỔ PHẦN CẢNG THÁI HƯNG	0	33.816
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	6.509	32.729
CTY TNHH NỘI THẤT TỦ BẾP OWEN VIỆT NAM	4.978	31.877
CTY CỔ PHẦN TCT VIỆT NAM	2.740	31.863
CTY CỔ PHẦN SX - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ TÂN MỸ	6.467	31.477
CTY TNHH GLORY OCEANIC (VIỆT NAM)	6.540	30.841
XÍ NGHIỆP THẮNG LỢI - CN CTY CỔ PHẦN PHÚ TÀI	1.218	30.353
CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN GREAT VECA VIỆT NAM	4.064	29.727
CTY TNHH MTV GỖ SÂM THÀNH	5.972	28.003
CTY TNHH GỖ BLUE VALLEY	2.638	27.546
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN NĂNG LƯỢNG AN VIỆT PHÁT	1.307	27.192

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Tình hình xuất khẩu sản phẩm gỗ trong tuần

(Từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023)

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023 đạt 349,1 triệu USD, tăng 1,2% so với tuần trước đó. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ đạt 207 triệu USD, giảm 5,9% so với tuần trước.

Mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu chủ yếu tới thị trường Mỹ trong tuần, với kim ngạch chiếm 81,3% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ, đạt 168,4 triệu USD, giảm 5,7% so với tuần trước; tiếp theo là thị trường Nhật Bản đạt 9,2 triệu USD,

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

giảm 1,1%; Canada đạt 4,1 triệu USD, giảm 7,1%; Hàn Quốc đạt 4 triệu USD, tăng 1,5%; Anh đạt 3,5 triệu USD, giảm 13,9%...

Tham khảo giá một số lô hàng sản phẩm gỗ xuất khẩu trong tuần (Giá: FOB)

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Đài Loan	Tủ EDEN 2 - 140 KB TW MDF, gỗ cao su, QC:(1393x480x1960)mm	Bộ	10	198,3	Cát Lái
	Giường K-Aqua (2016*1840*1000mm) gỗ thông, ván gỗ đồng	Bộ	21	162,0	Cát Lái
	Ghế sofa 550015880- 2550X1690X860mm	Cái	3	932,0	Cát Lái
	Bàn gỗ alder ghép, gỗ cao su ghép có sơn phủ. ALNUS DF DT 15080 (LBR) (1500 x 800 x 700) mm.	Cái	30	105,0	Cát Lái
Đan Mạch	Bàn 903502 IW29738(800 x 350 x 900)mm (gỗ Oak,MDF,ván lạng gỗ Birch,Ván lạng gỗ sồi)	Cái	20	144,6	Cái Mép
	Ghế sofa gỗ thông (pinus radiata) bọc vải 3-seater chaise 1408 163*256*86cm	Bộ	1	568,0	Cát Lái
	Kệ 5 tầng - 110 x 35 x H181.5cm- MDF keo lai (gỗ và veneer) sồi (Quercus Petraea)	Cái	48	132,9	Cát Lái
Đức	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt (Gỗ sồi nhập khẩu) (D.100 x W.200 x H.76cm)	Cái	30	300,0	Cái Mép
	Tủ sách 4 cửa gỗ trầm, kích thước:1800(H)x360(D)x1400(W)mm	Cái	10	231,9	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông, kích thước:2000(H)x380(D)x970(W)mm.	Cái	20	160,7	Cái Mép
	Ghế gỗ thông,1265x465x535mm, nhãn hiệu HOME24 BYN136	Cái	16	86,7	Cái Mép
Ả Rập Xê út	Giường gỗ cao su (2110x995x1024) mm - MWD1970N	Bộ	20	172,0	Cát Lái
	Tủ (1800x450x750) mm, Gỗ sồi, MDF, veneer, dùng trong phòng khách.	Cái	5	288,6	Cont Spic
	Bàn (2200x1000x750) mm, Gỗ sồi, MDF, veneer, dùng trong phòng khách.	Cái	10	233,4	Cont Spic
Ai Len	Bàn gỗ sồi 30930-001(750x2100x1300mm)	Cái	15	344,2	Cái Mép
	Giường gỗ sồi (King Bed)-kích thước (1840 x 2020 x 1250)mm(750)- Mã sản phẩm: DWO-KB017	Cái	5	314,4	Cái Mép
	Tủ buffet gỗ sồi -kích thước (1000 x 450 x 1900)mm- Mã sản phẩm: DWO-SB/H047	Cái	2	310,9	Cái Mép
	Ghế Sofa 550010877, 2250X990X860mm, gỗ thông	Cái	6	645,0	Gemalink
Anh	Bàn gỗ sồi 30826-001(750x2500x900mm)	Cái	29	345,7	Cái Mép
	Kệ gỗ sồi 31294-001 (1970x1200x350mm)	Cái	30	230,1	Cái Mép
	Giường gỗ sồi,thông- Nhãn hiệu - LF-SKS01LR/V3P QCSP -(2223 x 1890 x 1033) mm #Hàng sx mới 100% #Có nhãn hàng hoá	Cái	38	302,4	Bà Rịa
	Ghế băng gỗ sồi, MDF, ván ép, đã bọc nệm da, kích thước 160*42*46 cm, Hester Bench mã OKA4400-0001	Cái	12	321,0	Cát Lái
	Tủ áo 3 Cửa A - gỗ Thông + mdf - (2000 - 580 - 2100)mm - 1041.075	Cái	15	554,0	Qt Sp-Ssa (Ssit)
Australia	Giường gỗ sồi (183/203/95)cm	Cái	5	878,8	Cát Lái
	Tủ gỗ sồi (210 x 45 x 78)cm	Cái	5	797,9	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (300/105/78)cm	Cái	9	638,4	Cát Lái
	Kệ gỗ sồi (104/30/219)cm	Cái	8	467,0	Cát Lái
	Ghế sofa CD-9063 (3S)(222Lx96Wx87H)cm, 23SEC27 -gỗ thông, dè gai	Cái	15	534,0	Vict
Bỉ	Ghế sofa gỗ thông (pinus radiata) bọc vải corner open end 2472 198*268*84cm	Bộ	8	390,7	Cát Lái
	Tủ MDF, veneer gỗ dương, kích thước 97*46*231 cm	Cái	2	1.184,0	Cont Spic
	Bàn MDF, veneer gỗ óc chó, RHH5400-0011# kích thước 244*107*76 cm	Cái	1	916,0	Cont Spic
Các TVQ Ả Rập thống nhất	Tủ gỗ óc chó 30610-001 (940x1610x470mm)	Cái	20	600,1	Cát Lái
	Bàn cà phê MDF, gỗ Oak, veneer, nhôm, KT: 1397*711.2*381mm	Cái	19	491,0	Cát Lái
	Giường gỗ óc chó, bọc vải 31236-001 (1110x1940x2160mm)	Cái	20	446,0	Cát Lái
	Ghế gỗ óc chó, bọc vải 30612-010 (500x1510x520mm)	Cái	20	216,5	Cát Lái
Canada	Kệ gỗ óc chó và MDF kích thước 1630(L)x405(W)x850(H)mm	Bộ	15	188,0	Cái Mép
	Tủ tivi gỗ óc chó, L: 180.3cm, W: 45.21cm, H: 69.85cm, mã HGNI109	Cái	1	531,0	Cái Mép
	Bàn màu đen,xám(3002x950x750) mm gỗ cao su và ván MDF, hàng mới 100%(10022/12022)	Cái	150	313,7	Cái Mép
	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm, 2070*870*870 MM	Cái	14	649,9	Đồng Nai
	Nôi trẻ em lắp ráp đầu thẳng-C-WPC-1001-06 - Gỗ Cây Độc Càn - 1481*832*1265	Cái	44	197,6	Phước Long

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Giường 4008-54-6 (INT1331/INT1332/INT1130/INT1333) (2973 * 2078 * 965)mm (gỗ beech,MDF,ván lạng gỗ Birch,ván lạng gỗ óc chó)	Cái	7	466,0	QT Cái Mép
Cộng hoà Dominica	Bàn trang điểm,kt 1695*479*990mm(ván MDF, gỗ thông, gỗ cây dương, ván ép plywood, gỗ cao su) item 2743-93,dùng trong phòng ngủ	Cái	21	191,4	Cát Lái
	Tủ 1023*479*1375mm(gỗ cao su, gỗ thông, gỗ cây dương, ván ép PW, ván MDF) item 2743-91,dùng trong phòng ngủ	Cái	14	154,8	Cát Lái
Chilê	Bàn D950-25 gỗ cao su, gỗ bạch dương , ván MDF (1930*965*762) mm	Cái	41	155,2	Cái Mép
	Ghế tựa (mặt ghế và tựa lưng ghế gỗ Sồi nhập khẩu , chân sắt) - PHOTRES009- Kích thước: (209.6*63.5*80)cm	Cái	39	332,0	Cát Lái
	Bàn (mặt bàn gỗ Sồi, chân sắt) - PHOTRES0005 - (200*50*110)cm	Cái	8	308,0	Cát Lái
	Tủ KBC-Z72SFQZ gỗ thông và ván ép, kích thước: 1830x585x887mm.	Cái	3	530,0	QT Cái Mép
	Giường 2 tầng gỗ vân sam đóng gói tháo rời 16Y2005TF (2059x1517x 1714)mm	Bộ	115	139,1	T.Hợp B.Dương
Ấn Độ	Ghế sofa lớn 3 chỗ 2 tay vịn,(1 bàn trà), bọc da bò, vải và PVC, ván ép, gỗ thông, đàn hồi tự động (81*40*40)", 8 SET=48 PCS/48CNTS	Bộ	8	1.572,0	Cái Mép
	Bàn trang điểm - Item: B786-31 (gỗ dương, gỗ cao su & ván MDF), size: 1575*457*766mm, dùng cho phòng ngủ	Cái	3	261,6	Cát Lái
	Tủ ngăn kéo - Item: B786-46 (gỗ dương, gỗ cao su & ván MDF), size: 915*457*1220mm, dùng cho phòng ngủ	Cái	3	215,5	Cát Lái
Hà Lan	Tủ Cessa 3ngăn (1200x460x804)mm sử dụng trong phòng ngủ	Cái	11	333,7	Cái Mép
	Ghế Sofa, Qc:(204*104*78)cm,(khung gỗ bạch dương, plywood, MDF)	Cái	17	245,5	Cái Mép
	Giường gỗ Sồi nhập khẩu 2160 x 1950 x 1140 mm	Cái	5	158,7	Cái Mép
	Kệ gỗ Sồi nhập khẩu 300 x 600 x 1800 mm	Cái	10	69,1	Cái Mép
	Bàn ăn gỗ sồi, chân sắt, loại cao (D.100 x W.200 x H.76cm) (Gỗ sồi)	Cái	65	221,0	Gemalink
Hàn Quốc	Giường ngủ Sofa dạng ghế,tháo rời,ván MDF kết hợp với gỗ thông, veneer, có bọc da KS085S (Size 2300*115*995; 2300*115*565; 800*270*320)	Bộ	15	200,0	Cát Lái
	Ghế Sitting Sofa 2 (3200x1600x770)mm, ván ép, gỗ cao su, gỗ trầm	Cái	1	720,0	Cát Lái
	Tủ: VPL: 105 TRESOR (1000 x 600 x 1900H)gỗ cao su	Cái	15	561,0	Cát Lái
	Giường RAFFINE VPL: 026 (1850 x 2160 x 1370H)gỗ cao su	Cái	10	479,5	Cát Lái
	Bàn 3x3T-1440 (1240x1440x1040)mm, ván MDF, gỗ trầm, giấy phủ	Cái	7	418,0	Cát Lái
Hondura	Bàn trang điểm, 1661*457*1012mm (gỗ cây dương, ván MDF, ván PB, ván ép PW, gỗ thông), Item B697-31, dùng trong phòng ngủ	Cái	15	164,1	Cát Lái
	Tủ 5 hộc, hiệu ASHLEY, kt 1005*457*1474mm(ván MDF, ván PB, ván ép PW, gỗ cây dương, gỗ thông),Item B697-46,dùng trong phòng ngủ	Cái	6	141,7	Cát Lái
Irắc	Bàn ăn dùng trong nhà bếp - Item D984-35, ván MDF, ván ép, gỗ cao su, quy cách 3148*1116*762mm	Cái	20	152,6	QT SP-SSA (SSIT)
	Tủ dùng trong nhà bếp - Item D984-60, gỗ cao su, ván ép, ván MDF, ván PB, quy cách 1522*457*812mm	Cái	10	102,4	QT SP-SSA (SSIT)
Ixraen	Kệ sách Rony gỗ thông kết hợp MDF - sử dụng cho phòng ngủ- 46 -1/2, KT(1200*1525*400)mm	Bộ	45	157,5	Cát Lái
	Giường gỗ thông kết hợp MDF có hoa 190*120 - sử dụng cho phòng ngủ-46, KT (2010*964*1071)mm	Bộ	20	130,6	Cát Lái
	Bàn gỗ Thông kết hợp MDF 3 hộc 160cm - sử dụng cho phòng ngủ- 46, KT (1600*612*775)mm	Bộ	49	102,0	Cát Lái
	Ghế (90X195X58CM) - Teak Look - gỗ ACACIA (gỗ keo)	Cái	51	222,0	Cont Spic
Jamaica	Tủ trang điểm mặt đá PU+mdf+gỗ thông+đá hoa cương - B9500-D - quy cách 1800*590*1030mm	Bộ	5	280,0	Cái Mép
	Bàn gỗ cao su, quy cách 5716-36 -(54" x54"x" 36" inches)	Cái	64	88,3	Cái Mép
Malaysia	Ghế sofa SOPHIE 240 F2 gỗ thông (W2400xD1005xH700)	Cái	2	435,0	Cát Lái
	Tủ code: CAD-20: (1600x420x800)mm gỗ trầm+MDF dùng trong phòng ngủ	Cái	18	175,0	Cát Lái
Mexico	Ghế sofa bọc da, khung gỗ thông đã nhồi nệm: 2250*760*800 mm	Cái	45	667,4	Đồng Nai
	Bàn trang điểm VTM104-F975 (1295x521x1600)mm, đã sơn (gỗ thông, gỗ dương,ván ép,ván MDF)	Bộ	92	242,3	Gemalink
	Tủ tivi, kt 1893*442*761mm(gỗ trầm,ván MDF,gỗ cây dương,ván PB; gắn 1 lò sưởi 42IF442FGL-B000(NKNQ)), Item 42MM812-QM374,dùng trong phòng khách	Cái	68	230,1	Gemalink

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
Mỹ	Kệ MDF, ván ép, veneer gỗ sồi, kích thước 125*50*208 cm, BAA4695 Etagerie BKH6300-0004	Cái	2	1.197,0	Cái Mép
	Bàn (gỗ alder) MS-301-CR - (2438x457x678)mm	Cái	2	8.345,2	T.Hợp B.Dương
	Tủ (gỗ beech)BR-302-CR - (2134x610x864)mm	Cái	1	5.694,8	T.Hợp B.Dương
	Ghế sofa bọc nệm gỗ cao su, ván ép, MDF LNG-306 (5626x5093x 1067)mm	Cái	1	3.836,0	Gemalink
	Giường gỗ dán, sồi Queucus, dương, ván lạng, MDF, da (2058x1829x2375mm)	Cái	1	2.360,1	Long Bình
Na Uy	Ghế đã nhồi nệm(KS-1063-S-BLACK POWDER-OXSPI-CA) gỗ dương xẻ,ván ép(2180*990*753mm)	Cái	20	609,0	Cont Spic
	Bàn gỗ sồi 31211-002 (750x2400x1000mm)	Cái	79	355,3	Cont Spic
New Zealand	Ghế băng, gỗ sồi , 180*40*45cm (Byron Dining Bench 1.8m)	Bộ	35	95,0	Cái Mép
	Kệ sách gỗ thông nhập khẩu, kích thước (550 x 420 x 550 mm)	Cái	12	101,1	Cát Lái
	Bàn gỗ Dining Table Milano (2340 x 1000 x 760mm)	Cái	15	429,0	Qui Nhơn
	Tủ (Code: ORCH01) (1000 x 665 x 2100)mm gỗ thông	Cái	5	449,8	Vict
Nhật Bản	Tủ NEO - 180 UPPER OP gỗ cao su, MDF, QC:(1802x480x1140)mm	Bộ	10	224,5	Cát Lái
	Ghế SP3482 LS45502R/L Gỗ Thông và Gỗ Xà Cừ có nệm bọc da bò. Kích thước: 1815*825*690mm	Cái	3	729,4	Cát Lái
	Bàn gỗ sồi (1800x800x710) mm	Cái	10	347,5	Cát Lái
	Kệ 5-SH82703M gỗ sồi, SP3836 kích thước 1004*259*1226mm	Cái	100	211,0	Cát Lái
Pháp	Bàn ăn, mã hàng 02022055,KTSP : 2200x1000x750mm, gỗ sồi	Cái	50	584,5	Cont Spic
	Tủ A330 - gỗ thông, kích thước (190x45x220)cm	Cái	3	1.458,6	Gemalink
	Giường PPL9 - MDF & gỗ thông, kích thước (212.5x120x171)cm	Cái	1	513,1	Gemalink
	Kệ A489 - gỗ thông, ván MDF, kích thước (130x38x180)cm	Cái	3	444,9	Gemalink
	Giường DSN0 - gỗ thông, kích thước (155x205x115)cm	Cái	2	428,8	Gemalink
Puerto Rico	Ghế sofa (Gerardo HL) gỗ trầm, ván ép (1330*900*650) mm, (1580*950*650) mm,(890*600*420) mm.	Bộ	35	340,4	Cát Lái
	Tủ tivi gỗ Tràm, MDF dán veneer , dán vải- Size (2100x610x940) mm	Cái	12	446,0	Cát Lái
	Giường gỗ Sồi Size (2095x1595x325) mm	Cái	10	415,0	Cát Lái
	Bàn ăn gỗ Sồi nhập khẩu , mặt bàn MDF dán veneer sồi, (1795x1795x105) mm	Cái	12	265,0	Cát Lái
Reunion	Tủ dùng trong văn phòng Gỗ trầm 876x420x1980 mm	Cái	8	367,0	Qt sp-ssa (ssit)
	Bàn dùng trong văn phòng Gỗ trầm 2000x1000x780 mm	Cái	10	197,6	Qt sp-ssa (ssit)
	Ghế dùng trong văn phòng, gỗ trầm 1100x100x1270 mm. Nhãn hiệu TD-D.	Cái	8	77,0	Qt sp-ssa (ssit)
Singapore	Tủ bếp Gỗ vân sam, gỗ dán, KT:4445x700x2400 mm	Bộ	1	2.772,0	Nam Định Vũ
	Sofa Gỗ teak, gỗ tần bì, gỗ dán, gỗ MDF, KT:2460x1190x700 mm	Bộ	6	857,0	Nam Định Vũ
	Giường đôi Gỗ vân sam, gỗ óc chó, gỗ dán, KT:1570x1950x370 mm	Bộ	12	773,0	Nam Định Vũ
	Bàn café Gỗ vân sam, gỗ teak, gỗ dán, gỗ MDF mã code:23507.OBS-LF-03,KT:665-995x545-1020x555-405mm	Bộ	6	642,0	Nam Định Vũ
Tây Ban Nha	Ghế sofa có khung gỗ trầm , kích thước: 183x60x77 cm	Cái	1	1.862,0	Cái Mép
	Tủ sơn mài gỗ trầm và ván ép, kích thước: 185x47x75 cm	Cái	2	1.428,0	Cái Mép
	Kệ Sách DAVENPORT 900 Gỗ Sồi, 90 X 40 X 193.5CM	Cái	20	218,0	Cát Lái
	Bàn Cà PHÉ DAVENPORT Gỗ Sồi, DAVEN 50422- 140 X 65 X 42CM	Cái	15	167,0	Cát Lái
Thái Lan	Ghế sofa Baker 220 - Fixed - Range S-L1 gỗ thông (W2220xD1020xH700)	Cái	2	680,0	Cát Lái
	Bàn Itamae Dining 180 gỗ sồi 044-1101-10-SKE(W1800xD905xH740)	Cái	3	200,0	Cát Lái
	Kệ Humla 152 TV gỗ sồi 028-2401-181-SKE(W1525xD360xH450)	Cái	7	145,0	Cát Lái
Thụy Điển	Bàn mặt bàn gỗ sồi, sắt, 281x86x14 cm, mã: CLAIM23-067-PING PONG TABLE-TABLE TOP	Cái	2	408,0	Cont Spic
	Tủ gỗ thông 850mm x 1520mm x 450mm	Cái	11	224,8	Gemalink
Trung Quốc	Ghế chân gang, sắt, mặt gỗ sồi, nhồi nệm mặt ghế, 2000x800x620 mm, mã: CHL0005-07-594-08	Cái	5	1.161,9	Cát Lái
	Tủ chân gang, sắt, vách tủ gỗ sồi, 1800x470x795 mm, mã: CAC0023-07-003-08	Cái	5	1.095,0	Cát Lái
	Bàn chân gang, sắt, mặt gỗ sồi, 2200x900x745 mm, mã: TAD0303-07-001-08	Cái	5	782,3	Cát Lái

Thị trường	Mặt hàng	ĐVT	Lượng	Đơn giá (USD)	Cảng-cửa khẩu
	Giường chân gang, sắt, thanh giường gỗ sồi, 2164x1574x1155 mm, mã: BED0042-29-007-08	Cái	5	770,4	Cát Lái
	Kệ chân gang, sắt, mặt gỗ sồi, 1100x300x1585 mm, mã: CAE0017-07-002-08	Cái	5	523,0	Cát Lái

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ sử dụng để tham khảo)

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu giảm mạnh về lượng và trị giá

Thị trường trong nước

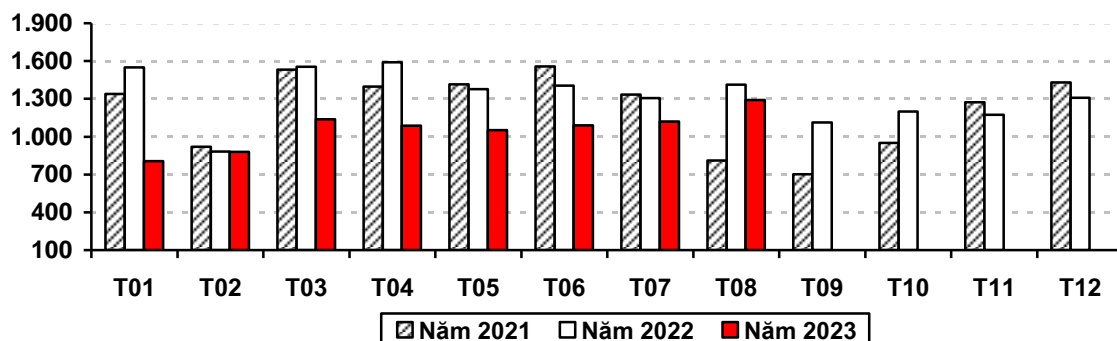
Sản xuất lâm nghiệp gặp bất lợi do thời tiết chuyển hướng nhanh từ nắng nóng sang mưa lũ, sạt lở đất ảnh hưởng đến tiến độ trồng rừng mới ở nhiều địa phương. Trong 8 tháng năm 2023, diện tích rừng trồng mới tập trung ước đạt 160,6 nghìn ha, giảm 1,2% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 58,5 triệu cây, tăng 4,8%; sản lượng gỗ khai thác đạt 12,4 triệu m³, tăng 2,9%; diện tích rừng bị thiệt hại là 1.484,9 ha, tăng 90%, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 857,6 ha, tăng 13,3%; diện tích rừng bị cháy là 627,3 ha, gấp 25,6 lần do thời tiết năm nay nắng nóng kéo dài.

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu 9 tháng đầu năm 2023

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam tháng 9/2023 ước tính đạt 390,4 nghìn m³, trị giá 126,9 triệu USD, tăng 10,4% về lượng và tăng 10,0% về trị giá so với tháng 8/2023; tuy nhiên so với tháng 9/2022 giảm 22,8% về lượng và giảm 30,9% về trị giá.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu ước tính đạt 3,242 triệu m³, trị giá 1,118 tỷ USD, giảm 29,1% về lượng và giảm 36,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Trị giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn năm 2022– 2023 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, nhập khẩu gỗ nguyên liệu tháng 8/2023 đạt 353,6 nghìn m³, trị giá 115,3 triệu USD, giảm 11,8% về lượng và giảm 13,2% về trị giá so với tháng 7/2023; so với tháng 8/2022 giảm 40,3% về lượng và giảm 50,2% về trị giá.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu mặt hàng này đạt 2,887 triệu m³, trị giá 1,002 tỷ USD, giảm 29,0% về lượng và giảm 36,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

+ Về thị trường nhập khẩu:

8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các thị trường lớn như: EU, Mỹ, Trung Quốc, Camêrun, Lào... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu từ một số thị trường khác lại tăng như: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Xiera Lêôn... Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường EU chiếm 18,1% tổng lượng nhập khẩu, đạt

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

523,9 nghìn m³, trị giá 158,9 triệu USD, giảm 7,7% về lượng và giảm 17,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Mỹ giảm 23,0% về lượng và giảm 30,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 349,6 nghìn m³, trị giá 149,7 triệu USD, chiếm 12,1% tổng lượng nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ thị trường Trung Quốc giảm 31,5% về lượng và giảm 42,9% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 335,9 nghìn m³, trị giá 159,7 triệu USD, chiếm 11,6% tổng lượng nhập khẩu.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường khác giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Camêrun giảm 22,4%; Lào giảm 23,3%; Chilê giảm 20,3%; Braxin giảm 48,9%; New Zealand giảm 22,8%; Nga giảm 28,7%...

Trái lại, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường khác trong 8 tháng đầu năm 2023 tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: từ Thái Lan tăng 4,9%; Malaysia tăng 10,6%; Indonesia tăng 47,5%; Xiera Lêôn tăng 75,5%...

Thị trường nhập khẩu gỗ nguyên liệu 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	2.887.294	1.002.384	347,2	-29,0	-36,6	-10,6	100,0	100,0
EU	523.851	158.917	303,4	-7,7	-17,1	-10,2	18,1	13,9
Bỉ	187.512	48.354	257,9	7,6	9,7	1,9	6,5	4,3
Pháp	112.435	35.757	318,0	35,2	36,2	0,7	3,9	2,0
Đức	63.259	17.872	282,5	-21,3	-34,4	-16,6	2,2	2,0
Hà Lan	40.957	11.581	282,8	2,0	-5,4	-7,2	1,4	1,0
Phần Lan	24.323	6.883	283,0	-32,6	-50,1	-26,0	0,8	0,9
Thụy Điển	19.457	4.480	230,2	43,3	3,6	-27,7	0,7	0,3
Croatia	17.849	10.689	598,9	-35,5	-37,1	-2,4	0,6	0,7
Slovenia	14.383	6.330	440,1	-46,3	-56,3	-18,6	0,5	0,7
Đan Mạch	8.985	2.699	300,4	18,0	12,0	-5,1	0,3	0,2
Látvia	6.591	2.329	353,4	-75,2	-71,8	13,8	0,2	0,7
Rumani	6.292	3.789	602,2	-11,3	-14,7	-3,8	0,2	0,2
...								
Mỹ	349.551	149.867	428,7	-23,0	-30,9	-10,2	12,1	11,2
Trung Quốc	335.937	159.736	475,5	-31,5	-42,9	-16,7	11,6	12,1
Thái Lan	308.186	59.689	193,7	4,9	-18,7	-22,5	10,7	7,2
Camêrun	291.442	127.668	438,1	-22,4	-20,0	3,1	10,1	9,2
Lào	142.147	67.027	471,5	-23,3	-29,7	-8,3	4,9	4,6
Chilê	142.087	34.186	240,6	-20,3	-43,4	-29,1	4,9	4,4
Braxin	122.049	30.182	247,3	-48,9	-61,6	-24,9	4,2	5,9
New Zealand	76.754	25.796	336,1	-22,8	-31,0	-10,6	2,7	2,4
Nga	59.911	24.101	402,3	-28,7	-42,0	-18,7	2,1	2,1
Malaysia	51.831	14.885	287,2	10,6	-10,2	-18,8	1,8	1,2
Cônggô	47.766	23.420	490,3	-57,6	-50,7	16,3	1,7	2,8
PN. Guinea	47.322	10.275	217,1	-73,5	-73,0	1,9	1,6	4,4
Urugoay	45.889	9.839	214,4	-54,2	-63,1	-19,4	1,6	2,5
Ăngôla	39.067	10.355	265,1	-1,2	2,0	3,2	1,4	1,0
Suriname	33.567	10.391	309,5	-41,8	-43,0	-2,0	1,2	1,4
Nam Phi	27.616	7.160	259,3	-45,6	-46,1	-0,9	1,0	1,2

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Nigeria	25.164	6.478	257,4	-79,8	-83,1	-16,0	0,9	3,1
Gabông	23.314	8.772	376,3	-19,6	-12,8	8,4	0,8	0,7
Hồng Kông	20.658	7.452	360,7	-36,1	-27,8	13,1	0,7	0,8
Australia	19.598	5.102	260,3	-40,1	-27,9	20,4	0,7	0,8
Indonesia	18.816	6.486	344,7	47,5	6,0	-28,1	0,7	0,3
Canada	15.652	7.355	469,9	-18,2	-37,6	-23,7	0,5	0,5
Gana	10.293	2.799	272,0	-55,9	-63,3	-16,6	0,4	0,6
Nambia	9.252	2.760	298,3	-0,1	9,5	9,6	0,3	0,2
Achentina	8.713	2.015	231,2	-83,0	-87,2	-24,9	0,3	1,3
Campuchia	8.552	2.357	275,6	-61,6	-61,0	1,4	0,3	0,5
E.Guinea	8.030	2.347	292,2	-69,0	-73,9	-15,7	0,3	0,6
Nhật Bản	6.497	2.775	427,1	-33,0	-25,8	10,7	0,2	0,2
Xiera Lôn	6.465	1.899	293,7	75,5	72,1	-2,0	0,2	0,1
Pêru	6.412	1.976	308,2	-62,0	-68,4	-16,8	0,2	0,4
Kenya	5.818	1.607	276,1	-60,9	-64,2	-8,4	0,2	0,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về chủng loại nhập khẩu:

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, 8 tháng đầu năm 2023, lượng nhập khẩu các chủng loại gỗ lớn như: gỗ thông, lim, dương, sồi, gỗ, hương, bạch đàn... giảm so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại tăng như: gỗ tần bì, cao su, linh sam, hồ đào, dổi... Cụ thể:

Nhập khẩu gỗ thông lớn nhất chiếm 14,6% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2023, đạt 421,9 nghìn m³, trị giá 92,8 triệu USD, giảm 42,0% về lượng và giảm 54,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu gỗ lim giảm 24,2% về lượng và giảm 23,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 265,9 nghìn m³, trị giá 110,8 triệu USD, chiếm 9,2% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Nhập khẩu gỗ dương giảm 20,2% về lượng và giảm 33,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 205,2 nghìn m³, trị giá 86,4 triệu USD.

Ngoài ra, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ giảm so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ sồi giảm 3,5%; gỗ giảm 61,1%; hương giảm 22,9%; bạch đàn giảm 60,9%; teak giảm 50,6%; sến giảm 20,4%; xoan giảm 48,8%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ tần bì trong 8 tháng đầu năm 2023 tăng 19,6% về lượng và tăng 19,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, đạt 369,4 nghìn m³, trị giá 95,0 triệu USD, chiếm 12,8% tổng lượng gỗ nguyên liệu nhập khẩu.

Bên cạnh đó, lượng nhập khẩu một số chủng loại gỗ tăng so với cùng kỳ năm 2022 như: gỗ cao su tăng 14,1%; linh sam tăng 108,2%; hồ đào tăng 59,9%; dổi tăng 40,0%; pomu tăng 109,5%...

Chủng loại gỗ nguyên liệu nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	2.887.294	1.002.384	347,2	-29,0	-36,6	-10,6	100,0	100,0

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)			Tỷ trọng theo lượng (%)	
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá	8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Thông	421.899	92.778	219,9	-42,0	-54,6	-21,7	14,6	17,9
Tần bì	369.386	94.997	257,2	19,6	19,2	-0,3	12,8	7,6
Lim	265.930	110.833	416,8	-24,2	-23,1	1,5	9,2	8,6
Dương	205.183	86.374	421,0	-20,2	-33,1	-16,2	7,1	6,3
Sồi	186.463	102.003	547,0	-3,5	-20,4	-17,5	6,5	4,7
Gỗ	88.676	39.958	450,6	-61,1	-55,6	14,1	3,1	5,6
Hương	84.878	31.470	370,8	-22,9	-33,5	-13,7	2,9	2,7
Cao su	66.666	18.028	270,4	14,1	0,8	-11,6	2,3	1,4
Bạch đàn	63.100	14.518	230,1	-60,9	-64,0	-7,8	2,2	4,0
Teak	30.277	13.113	433,1	-50,6	-50,1	1,0	1,0	1,5
Sến	28.006	10.011	357,5	-20,4	-19,3	1,4	1,0	0,9
Xoan	23.887	8.885	372,0	-48,8	-45,7	6,1	0,8	1,1
óc chó	23.178	24.438	1.054,4	-21,5	-40,0	-23,6	0,8	0,7
Dẻ gai	22.390	10.233	457,0	-66,1	-63,1	8,6	0,8	1,6
Linh sam	21.949	7.472	340,4	108,2	93,8	-6,9	0,8	0,3
Bằng lăng	19.827	5.704	287,7	-30,0	-29,5	0,7	0,7	0,7
Vân sam	18.936	4.939	260,8	-49,3	-63,8	-28,6	0,7	0,9
Cắm xe	15.029	7.996	532,1	-45,1	-48,8	-6,8	0,5	0,7
Hồ đào	13.731	6.231	453,8	59,9	70,5	6,6	0,5	0,2
Dâu	13.202	4.100	310,5	-46,7	-47,5	-1,5	0,5	0,6
Dổi	12.076	5.584	462,4	40,0	39,2	-0,6	0,4	0,2
Trần	10.603	3.449	325,2	-9,7	-41,3	-35,0	0,4	0,3
Sao	10.074	4.335	430,3	6,9	-11,9	-17,6	0,3	0,2
Mít	9.811	2.786	283,9	-8,4	-19,8	-12,4	0,3	0,3
Gụ	8.554	4.815	562,9	-58,4	-58,5	-0,3	0,3	0,5
Pomu	7.592	4.455	586,8	109,5	110,5	0,5	0,3	0,1
Thích	7.356	4.258	578,9	-21,8	-41,8	-25,6	0,3	0,2
Keo	6.461	722	111,8	552,6	228,0	-49,7	0,2	0,0
Chiêu liệu	6.080	2.821	464,0	244,6	330,5	24,9	0,2	0,0
Bách	4.169	1.272	305,2	763,7	734,7	-3,4	0,1	0,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Tham khảo nhóm gỗ nguyên liệu nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2023

Chủng loại	8 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (m ³)	Trị giá (nghìn USD)	Đơn giá (USD/m ³)	Lượng	Trị giá	Đơn giá
Gỗ xẻ	1.248.322	487.936	390,9	-29,3	-38,4	-12,8
Gỗ tròn	1.008.466	309.801	307,2	-36,1	-34,9	1,8

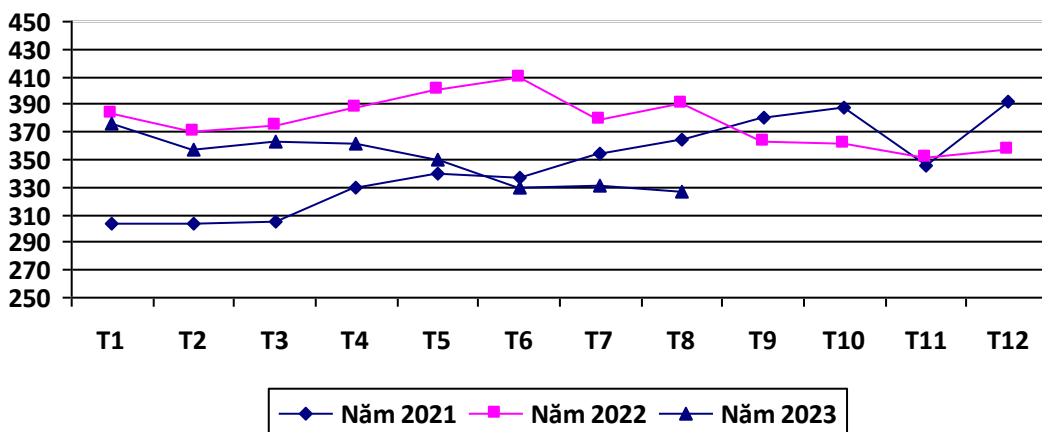
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

+ Về giá nhập khẩu:

8 tháng đầu năm 2023, giá nhập khẩu bình quân các loại gỗ nguyên liệu của Việt Nam đạt 347,2 USD/m³, giảm 10,6% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong đó, giá nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ EU giảm 10,2% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 303,4 USD/m³; Mỹ giảm 10,2%, xuống 428,7 USD/m³; Trung Quốc giảm 16,7%, xuống còn 475,5 USD/m³; Lào giảm 8,3%, xuống 471,5 USD/m³...

Giá gỗ nguyên liệu nhập khẩu trung bình của Việt Nam năm 2021 - 2023
(ĐVT: USD/m³)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Dự báo:

Trong những tháng đầu năm 2023, tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ diễn biến không mấy tích cực, tình trạng thiếu hụt đơn hàng phổ biến ở hầu hết các doanh nghiệp. Trong 8 tháng qua, kim ngạch xuất khẩu gỗ và các sản phẩm của Việt Nam đạt gần 8,5 tỷ USD, giảm gần 24,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Tuy nhiên, từ tháng 6/2023 đến nay, tình hình xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam đã có những tín hiệu phục hồi, bình quân mỗi tháng đạt trên 1,2 tỷ USD/tháng. Theo dự báo, từ nay đến cuối năm, xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ có thể đạt thêm 6 tỷ USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu trong năm 2023 lên khoảng 14 - 14,5 tỷ USD.

Trong các tháng cuối năm, xuất khẩu mặt hàng này được kỳ vọng tăng trưởng với sự hồi phục của thị trường nhà đất Mỹ sẽ khiến nhu cầu gỗ cải thiện và các doanh nghiệp trong ngành đã bắt đầu đón những đơn hàng mới, phục vụ cho mùa mua sắm nội thất cuối năm của thị trường thế giới.

Để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong thời gian tới, Bộ NN&PTNT tổ chức phát triển ngành lâm nghiệp cân đối; phát triển trồng rừng đi đôi với chế biến. Đồng thời, phối hợp với Bộ Công Thương đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, xác định nắm được thị trường mới chủ động được sản xuất và thực hiện tốt việc giải quyết tranh chấp thương mại.

Với những tín hiệu phục hồi của ngành gỗ, dự báo nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong các tháng cuối năm 2023 sẽ được cải thiện khi nhu cầu từ các nhà máy chế biến tăng lên.

+ Doanh nghiệp nhập khẩu:

Doanh nghiệp nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt kim ngạch cao 8 tháng đầu năm 2023

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẠI LỢI	51.155
CTY TNHH KEESON (BÌNH DƯƠNG)	27.666
CTY TNHH TẢN VIÊN	20.904
CTY TNHH NGÀNH GỖ FU MING VIỆT NAM	20.143
CTY TNHH MTV GỖ KHANG ĐẠT (VIỆT NAM)	15.923
CTY TNHH NỘI THẤT SANYANG VIỆT NAM	13.339

Doanh nghiệp	Trị giá (nghìn USD)
CTY TNHH YANGTZE RIVER WOODS	13.247
CTY TNHH HAPPY FURNITURE (VIỆT NAM)	12.984
CTY TNHH LONG HƯNG	12.745
CTY TNHH MOTOMOTION VIỆT NAM	12.614
CTY TNHH EIDAI VIỆT NAM	12.097
DOANH NGHIỆP CHẾ XUẤT NITORI VIỆT NAM	11.995
CTY TNHH GREENWOOD	11.621
CTY TNHH GỖ HUỖNH LÊ	11.220
CTY TNHH KỸ NGHỆ GỖ HOA NÉT	11.146
CỤNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HUA YANG	10.851
CTY TNHH CÔNG NGHIỆP VIỆT PHÁT VIỆT NAM	10.584
CTY TNHH TIẾN LỢI	10.119
CTY TNHH JASON FURNITURE VIỆT NAM	10.036
CTY TNHH XNK VÀ THƯƠNG MẠI HOÀNG KIM	10.030
CTY TNHH GỖ HÒA THIÊN	9.833
CTY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ GỖ THIÊN LỢI	9.381
CN CTY TNHH ĐẦU TƯ QUẢN LÝ TRIỆU VƯỢNG VIỆT NAM	8.744
CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ ĐẠI Á	8.724
CTY TNHH GỖ ZHONG LONG VIỆT NAM	8.469
CTY TNHH VẬT LIỆU MỚI NHUẬN PHÁT	8.375
CTY TNHH MTV GỖ SHENG HE (VIỆT NAM)	8.249
CTY TNHH GỖ SEN TONG	8.164
CTY CỔ PHẦN TÂN VINH CỬU	7.811
CTY TNHH THƯƠNG MẠI TUẤN THÀNH	7.263

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tình hình nhập khẩu gỗ nguyên liệu trong tuần

Từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023, nhập khẩu gỗ nguyên liệu đạt 46,6 triệu USD, giảm 10,2% so với tuần trước.

Trong đó, nhập khẩu mặt hàng này từ một số thị trường giảm so với tuần trước như: từ Trung Quốc giảm 23,0%; Cameroon giảm 29,3%; Nga giảm 12,6%; Malaysia giảm 37,9%; Côngô giảm 50,7%; Bỉ giảm 64,0%...

Trái lại, nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ một số thị trường tăng so với tuần trước như: từ Mỹ tăng 7,3%; Chile tăng 43,7%; Thái Lan tăng 10,1%; Lào tăng 63,5%; Braxin giảm 38,8%; New Zealand tăng 41,8%...

Một số thị trường đứng đầu về cung cấp gỗ nguyên liệu cho Việt Nam trong tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023

Thị trường	Kỳ từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023 (nghìn USD)	So với tuần trước (%)
Tổng	46.553	-10,2
Trung Quốc	13.454	-23,0
Mỹ	5.894	7,3
Cameroon	3.157	-29,3
Chile	3.140	43,7
Thái Lan	2.894	10,1

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Kỳ từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023 (nghìn USD)	So với tuần trước (%)
Lào	1.686	63,5
Nga	1.462	-12,6
Braxin	1.423	38,8
New Zealand	1.352	41,8
Indonesia	803	19,2
Hồng Kông	707	1.748,0
Singapore	693	3.941,1
Malaysia	692	-37,9
Côngô	637	-50,7
Bỉ	575	-64,0
Đức	555	-46,6
UruGuay	519	37,8
Pháp	507	-54,0

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Một số lô hàng gỗ nguyên liệu nhập khẩu tuần từ ngày 12/9/2023 đến 19/9/2023

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ óc chó đk từ 20cm x dài trên 1m	36	448,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó xẻ dài: 72-162, rộng: 6-9, độ dày: 5/4-6/4	78	1.163,0	Ai Len	Cát Lái	CIF
Gỗ óc chó xẻ dày 4/4 inch, dài từ 6-12 feet, rộng từ 3-14 inch	36	1.170,0	Canada	Đình Vũ	CIF
Gỗ bạch đàn xẻ (độ dày: 46 mm)	213	310,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ bạch dương xẻ (1-3m*10-30cm*20-65mm)	81	220,0	Nga	Cát Lái	C&F
Gỗ bồ đề tròn (đk: phi 305-762; dài:2438.4-5487)mm	102	278,2	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ cao su xẻ - 22 x 59 x 365 mm	2	366,7	Indonesia	Cát Lái	FOB
Gỗ cao su xẻ 21mmx(55-80)mmx(900-1100)mm	427	265,0	Malaysia	Cát Lái	CIF
Gỗ cao su xẻ 25mm*80mm*1.1/1.3m	13	247,0	Thái Lan	Cát Lái	C&F
Gỗ cẩm dày từ (24-65) cm, rộng từ (34-73)cm, dài từ (2.4-2.7) m	25	250,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ dương xẻ- (280-1252)*76*19mm	35	240,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Gỗ dương xẻ sậy (dày: 25.4 mm, rộng: 15.24-18.034 cm, dài 1.83-4.88 m	39	200,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ (32mm*245-290mm*2.5-3.5m)	32	324,7	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ dày 26 mm, dài từ 2.1 m	28	579,2	Ba Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ dẻ gai xẻ sậy dày 38mm, rộng 75mm, dài từ 2.45m tới 3.35m	35	552,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ gỗ đẽo vuông thô dày trên 12 cm, rộng trên 13 cm, dài trên 80 cm	22	190,0	Kenya	Cát Lái	C&F
Gỗ gỗ xẻ dày 15cm, rộng 23cm, dài 120cm	460	340,0	Camêrun	Đình Vũ	FOB
Gỗ gỗ, dày: 14-45 cm, rộng: từ 10-60cm, dài : 220-300cm	40	115,0	Gana	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ dài từ 1.70m - 2.30m, rộng từ 0.20m - 0.51m, dày từ 0.13m - 0.18m	20	240,3	Nambia	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương đá xẻ, Kt: dài (2-3)m, rộng từ 30cm, dày (12-17) cm	308	320,0	Ângôla	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương đá xẻ, dày (14-16) cm, rộng (31-71)cm, dài (230 - 280) cm	23	270,5	Nam Phi	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương dài: 4.3-11.9m, đk: 50-100cm	248	531,3	Cônggô	Hải Phòng	C&F
Gỗ hương xẻ dọc L(60-215)cm x W(20-103)cm xL(4-20)cm	24	170,0	Thái Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ hương xẻ Dày 30-39 cm, Rộng 33-52 cm, dài 2.8-5.8 m	7	475,0	Camêrun	Hải Phòng	CIF
Gỗ hồ đào xẻ (2-18x6-14 feetx4/4)	27	429,9	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ lim dày trên 25 cm, rộng trên 25 cm dài trên 2m	72	167,0	Nigeria	Hải Phòng	FOB
Gỗ lim xanh dày: 29-58cm, rộng: 36-70cm, dài: 360-640cm	48	250,0	Campuchia	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim xẻ (2 x 8 x 50)cm	98	280,0	Camêrun	Đình Vũ	FOB
Gỗ lim xẻ dài từ 80cm, rộng từ 4cm, dày từ 4cm	126	198,2	Gabông	Hải Phòng	C&F
Gỗ lim xẻ, dài: 2.9m, rộng: 46cm, dày: 52cm	15	669,5	Cônggô	Cảng Xanh	FOB

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Chủng loại	Lượng (m ³)	Đơn giá (USD/m ³)	Thị trường	Cửa khẩu	Mã GH
Gỗ linh sam xẻ (22 x 150 x 3000-6000) mm	92	240,0	Đức	Cát Lái	CIF
Gỗ linh sam xẻ dày 152.4 mm, dài từ 2.0m, rộng 152.4 mm	51	205,0	Canada	Hải Phòng	CFR
Gỗ mít xẻ. (3-45 x 10.5-60 x 160-530) cm	40	150,0	Indonesia	Đình Vũ	CFR
Gỗ pơmu xẻ dày trên 6 mm	8	599,7	Lào	Quảng Nam	DAF
Gỗ sồi đỏ xẻ dày 45 mm, dài từ 2100 mm, rộng từ 100 mm	26	575,0	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ sồi đk 35cm, dài từ 6m	24	411,2	Slovenia	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng tròn Dia 20cm, Length 4.6m	23	176,8	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi trắng xẻ 25 x (102 - 483) x (3353 - 4877) mm	37	310,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ sậy (dài: 3390-4621, rộng: 178-201, dày: 25)mm	27	260,0	Mỹ	Cát Lái	C&F
Gỗ sồi xẻ sậy dày: 27 mm dài 2,00 m - 6,40m	31	687,3	Pháp	Cát Lái	CIF
Gỗ sồi xẻ sậy, độ dày: 38mm, kích thước:100 mm x 2000mm	26	725,3	Croatia	Cát Lái	CIF
Gỗ sến đk: 72cm-131cm, dài: 4,5m-11,8m	304	221,9	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ tần bì đk 25-29cm, dài 3m	13	199,1	Pháp	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn đk (30-81)cm; dài (213-396)cm	130	250,0	Mỹ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì tròn đk từ 30-39cm, dài từ 2.8m	84	227,3	Ba Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3 m, đk 20 cm	65	159,4	Đức	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn dài 3 m, đk 20 cm	85	162,4	Hà Lan	Hải Phòng	CIF
Gỗ tần bì tròn Dia 25cm, Length 6m	40	160,3	Bỉ	Cát Lái	CIF
Gỗ tần bì xẻ sậy dài:(1.7-5.4)m, dày(29)mm	96	200,0	Trung Quốc	Cát Lái	CIF
Gỗ thông tròn đk từ 30-60cm, dài từ 5.4 - 11.8m	141	100,0	Mỹ	Cái Mép	CIF
Gỗ thông xẻ (22 X 125 -175 X 2100 - 4800)mm	150	270,0	Phần Lan	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ (30x40x3900mm)	5	472,8	Trung Quốc	Tiên Sa	CFR
Gỗ thông xẻ 25mm x 150/200mm x 4000mm	482	235,0	Uruguay	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ 50mm X 100mm X 4.2m	97	190,0	New Zealand	Cont Spic	CIF
Gỗ thông xẻ dày từ 16 mm, rộng từ 100 mm, dài từ 2990 mm	6	168,0	Italia	Đình Vũ	CFR
Gỗ thông xẻ sậy - 25/38mm x50mm x 2135mm	314	180,0	Achentina	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy (16/18X96X4000)mm	516	200,0	Chilê	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 15mm. dài: 1800mm	158	150,0	Braxin	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 19mm, dài (2.4400m)	109	200,0	Canada	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ sậy dày 45mm.dài: (3.6-6.0)m	42	200,0	Australia	Cát Lái	CIF
Gỗ thông xẻ, dày 20/21mm. dài 3650/4000 mm	5	168,1	Slovenia	Cont Spic	CFR
Gỗ thiết sam dày 50mm, dài từ 2.0m, rộng 155mm	100	170,0	Canada	Hải Phòng	CFR
Gỗ tếch đk từ 14cm - 90cm; dài từ 200cm - 1100cm	86	250,0	Lào	Quảng Bình	DAF
Gỗ tròn bạch đàn dài 5.7 m, đk trung bình 32.25 cm - 56 cm	215	160,0	Uruguay	Bình Định	CIF
Gỗ ván dăm, (17x1220x2440) mm	488	102,0	Thái Lan	Cảng Xanh	CFR
Gỗ ván sam xẻ 22*125*4200 mm	5	245,0	Hà Lan	Cát Lái	CFR
Gỗ ván sam xẻ 22mmX175mmX3300~5400mm	46	275,0	Thụy Điển	Cát Lái	CIF
Gỗ ván sam xẻ dày từ 30 mm, rộng từ 126 mm, dài từ 2990 mm	90	168,0	Italia	Đình Vũ	CFR
Gỗ ván sam xẻ, dày 21-125 (mm), dài 3750-4000 (mm)	42	168,0	Slovenia	Cont Spic	CFR
Gỗ xẻ tần bì dày trên 6mm	60	562,8	Italia	Cát Lái	CIF
Gỗ xoan đào dài: 6.7m, đk: 84cm	181	292,2	Camêrun	Hải Phòng	CFR
Gỗ xoan đào xẻ, dài: 2.4-5.1m, rộng: 90-131cm, dày: 82-112cm	22	385,0	Camêrun	Hải Phòng	FOB
Gỗ xoan đào xẻ dày trên 6 mm	168	300,0	Lào	Quảng Nam	DAF
Gỗ xoan đào, dài từ 5-5.5m, rộng từ 74-135cm, dày từ 90-130cm	20	195,0	Gana	Hải Phòng	FOB
Ván dăm PB - (15x1220x2440)mm	354	135,0	Thái Lan	Cát Lái	CFR
Ván MDF - (15*1220*2440)mm	356	105,0	Trung Quốc	Cát Lái	CFR
Ván PB (Ván dăm), Qc: 1220mm x 2440mm x 15mm	76	152,0	Malaysia	Cát Lái	C&F
Ván sợi MDF, dày trên 9mm, kt: 27x1240x3060mm	12	616,3	Nhật Bản	Tiên Sa	CIF

(Số liệu thống kê sơ bộ, chỉ dùng để tham khảo)

Tháng 8/2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm tăng trở lại

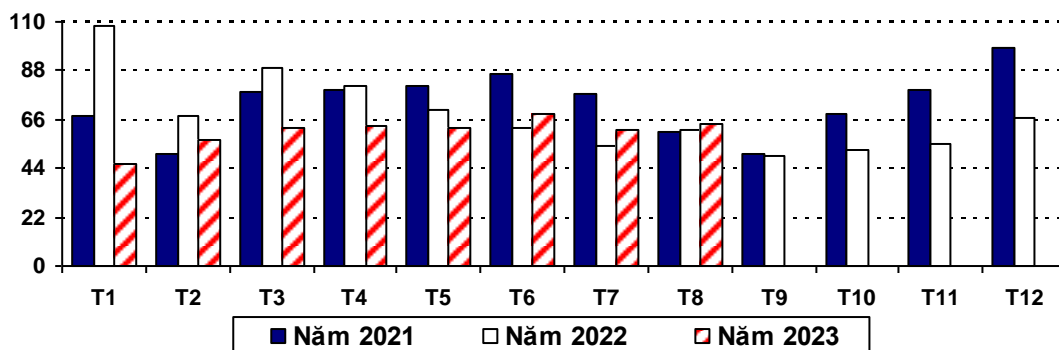
Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 8/2023 tăng trở lại, đạt 64,38 triệu USD, tăng 4,2% so với tháng 7/2023 và tăng 4,4% so với tháng 8/2022. Như vậy, đây là tháng thứ 3 liên tiếp xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt mức cao hơn so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm đạt 485,63 triệu USD, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu thủ công mỹ nghệ của Mỹ và EU đã có dấu hiệu phục hồi trong thời gian gần đây. Tuy nhiên, sản phẩm thủ công mỹ nghệ của Việt Nam hiện đang chịu sự cạnh tranh gay gắt từ các thị trường như Ấn Độ, Mexico, Thái Lan... Dự báo, xuất khẩu thủ công mỹ nghệ nói chung và sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam nói riêng trong những tháng tới tiếp tục gặp nhiều khó khăn.

Từ nay đến cuối năm 2023, ngoài các thị trường xuất khẩu truyền thống, doanh nghiệp cũng nên tập trung khai thác thị trường khác như Ấn Độ, Hàn Quốc, Trung Quốc, Mexico, Chilê...

Kim ngạch xuất khẩu mây, tre, cói và thảm qua các tháng (triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng xuất khẩu chính

Tháng 8/2023, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm tăng so với tháng 7/2023; nhưng so với tháng 8/2022, xuất khẩu thảm, lục bình đan và tre đan tăng, cói đan và mây đan giảm. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm đều giảm so với cùng kỳ năm 2022. Cụ thể:

- Xuất khẩu mặt hàng thảm của Việt Nam trong tháng 8/2023 đạt 35,27 triệu USD, tăng 1,6% so với tháng 7/2023 và tăng 6,4% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm đạt 269,56 triệu USD, giảm 11,8% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, xuất khẩu thảm sang thị trường Nhật Bản tăng mạnh 2,3 lần so với tháng 7/2023, đạt 8,44 triệu USD. Ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, EU, Ấn Độ, Anh, Hàn Quốc giảm so với tháng 7/2023.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm sang Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, Hàn Quốc giảm so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu sang các thị trường EU, Anh và đặc biệt là thị trường Mexico, Ixraen tăng mạnh.

- Tháng 8/2023, xuất khẩu lục bình đan đạt 9,27 triệu USD, tăng 4,9% so với tháng

7/2023 và tăng 26,8% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đơn đạt 63,92 triệu USD, giảm 10,0% so với cùng kỳ năm 2022.

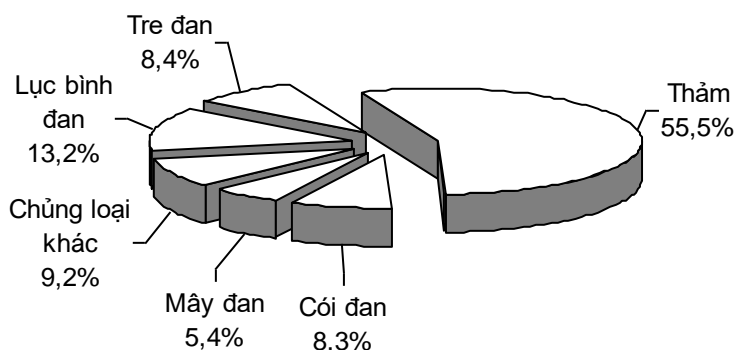
Tháng 8/2023, xuất khẩu lục bình đơn sang thị trường Mỹ giảm 3,0% so với tháng 7/2023, ngược lại xuất khẩu sang EU tăng 12,5%. So với tháng 8/2022, xuất khẩu lục bình đơn sang thị trường Mỹ và EU đều tăng mạnh.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu lục bình đơn sang Mỹ đạt 35,95 triệu USD, giảm 2,2% so với cùng kỳ năm 2022; EU đạt 15,77 triệu USD, giảm 4,4%.

- Tháng 8/2023, xuất khẩu tre đan đạt 5,34 triệu USD, tăng 6,7% so với tháng 7/2023 và tăng 6,5% so với tháng 8/2022; cói đan đạt 5,52 triệu USD, tăng 7,5% so với tháng 7/2023, giảm 3,4% so với tháng 8/2022; mây đan đạt 3,87 triệu USD, tăng 13,7% so với tháng 7/2023 và giảm 3,6% so với tháng 8/2022.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu tre đan đạt 40,88 triệu USD, cói đan đạt 40,37 triệu USD và mây đan đạt 26,43 triệu USD, lần lượt giảm 30,2%, 32,4% và 24,5% so với cùng kỳ năm 2022.

**Cơ cấu mặt hàng mây, tre, cói và thảm xuất khẩu trong 8 tháng đầu năm 2023
(% tính theo kim ngạch)**



Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị trường xuất khẩu

- *Thị trường EU:* Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam sang thị trường EU trong tháng 8/2023 đạt 14,54 triệu USD, tăng 7,4% so với tháng 7/2023 và tăng 11,9% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang EU chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 124,92 triệu USD, giảm 15,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang các thị trường Đức, Hà Lan, Italia, Ba Lan tăng mạnh so với tháng 7/2023; ngược lại, xuất khẩu sang thị trường Tây Ban Nha, Thụy Điển giảm. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, Tây Ban Nha là thị trường thuộc EU nhập khẩu nhiều nhất sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam, đạt 27,34 triệu USD, giảm 11,0% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp đến là các thị trường Pháp, Đức, Hà Lan, Italia, Ba Lan, Thụy Điển...

Tháng 8/2023, ngoại trừ chủng loại thảm xuất khẩu sang EU giảm so với tháng 7/2023, các chủng loại khác như lục bình đơn, tre đan, cói đan và mây đan đều tăng. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm và mây đan sang EU tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2022; ngược lại, xuất khẩu lục bình đơn, cói đan và tre đan giảm so với cùng kỳ năm 2022.

- *Thị trường Mỹ:* Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang thị trường Mỹ trong tháng 8/2023 đạt 24,27 triệu USD, giảm 11,6% so với tháng 7/2023, tăng 2,4% so với

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu mây, tre, cói, thảm sang Mỹ chiếm 38,3% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước, đạt 186,0 triệu USD, giảm 24,7% so với cùng kỳ năm 2022.

Tháng 8/2023, ngoại trừ chủng loại mây đan xuất khẩu sang Mỹ tăng, xuất khẩu các chủng loại thảm, lục bình đan, tre đan và cói đan đều giảm so với tháng 7/2023. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu các chủng loại mây, tre, cói, thảm sang Mỹ đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

- *Thị trường Nhật Bản*: Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang thị trường Nhật Bản trong tháng 8/2023 tăng mạnh, đạt 9,91 triệu USD, tăng 86,0% so với tháng 7/2023, tương ứng tăng 4,58 triệu USD, bằng 175% tổng mức tăng xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang Nhật Bản chiếm 8,7% tỷ trọng, đạt 42,08 triệu USD, giảm 8,5% so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm sang Nhật Bản tăng mạnh trong tháng 8/2023 là do xuất khẩu chủng loại thảm tăng mạnh, đạt 8,44 triệu USD, tăng 135,0% so với tháng 7/2023 và tăng 2,3% so với tháng 8/2022. Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thảm sang Nhật Bản đạt 31,0 triệu USD, giảm 5,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Thị trường xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm của Việt Nam trong tháng 8/2023 và 8 tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2023 (%)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Tổng	64.381	4,2	4,4	485.633	-18,2	100,0	100,0
EU	14.537	7,4	11,9	124.923	-15,1	25,7	24,8
<i>Tây Ban Nha</i>	2.620	-3,7	-10,4	27.342	-11,0	5,6	5,2
<i>Pháp</i>	2.078	1,5	15,3	20.444	-12,1	4,2	3,9
<i>Đức</i>	3.051	29,7	20,8	20.723	-22,6	4,3	4,5
<i>Hà Lan</i>	1.930	24,2	74,0	16.527	11,8	3,4	2,5
<i>Italia</i>	1.282	67,4	33,5	9.115	-21,7	1,9	2,0
<i>Ba Lan</i>	894	50,4	-20,0	6.772	5,2	1,4	1,1
<i>Thụy Điển</i>	666	-9,1	-19,1	5.895	-22,4	1,2	1,3
<i>Bỉ</i>	605	24,3	135,3	4.746	-45,0	1,0	1,5
<i>Đan Mạch</i>	393	77,6	134,7	2.739	-53,5	0,6	1,0
<i>Hy Lạp</i>	206	-68,0	-56,3	2.676	-9,3	0,6	0,5
<i>Rumani</i>	237	16,9	67,9	1.891	20,5	0,4	0,3
<i>Bồ Đào Nha</i>	99	-42,1	-45,8	1.372	-26,8	0,3	0,3
<i>Ai Len</i>	54	-79,3	13,2	1.146	-32,4	0,2	0,3
Mỹ	24.270	-11,6	2,4	185.999	-24,7	38,3	41,6
Nhật Bản	9.906	86,0	3,0	42.081	-8,5	8,7	7,7
Anh	1.700	-40,3	-2,7	27.699	-3,6	5,7	4,8
Ấn Độ	2.400	-22,5	-7,9	25.035	-10,7	5,2	4,7
Hàn Quốc	1.653	17,7	-21,9	13.392	-15,8	2,8	2,7
Australia	1.931	62,4	-28,9	9.627	-46,9	2,0	3,1
Canada	1.082	17,1	128,6	9.276	-34,9	1,9	2,4
Mexico	1.131	3,6	125,6	6.888	47,7	1,4	0,8
Ixraen	557	43,2	154,9	5.078	142,3	1,0	0,4
Trung Quốc	773	62,0	17,2	4.776	-25,6	1,0	1,1
Malaysia	553	8,2	165,5	3.644	125,6	0,8	0,3
Đài Loan	585	2,8	-11,8	3.080	0,1	0,6	0,5
UAE	298	54,4	3,2	2.642	-3,2	0,5	0,5

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tháng 8/2023 (nghìn USD)	So với tháng 7/2023 (%)	So với tháng 8/2022 (%)	8 tháng đầu năm 2023 (nghìn USD)	So với 8 tháng năm 2022 (%)	Tỷ trọng (%)	
						8 tháng năm 2023	8 tháng năm 2022
Thái Lan	263	-26,0	-37,9	2.345	-20,6	0,5	0,5
Ả Rập Xê út	281	-4,9	443,6	2.095	29,5	0,4	0,3
Thổ Nhĩ Kỳ	198	-20,1	73,5	1.298	49,0	0,3	0,1
Việt Nam	239	232,1	-	1.279	-	0,3	0,0
Nam Phi	217	11,0	52,9	1.253	-16,3	0,3	0,3
Braxin	512	286,7	201,9	1.213	-16,5	0,2	0,2
Chilê	135	-15,4	-31,7	986	-66,5	0,2	0,5
New Zealand	54	-35,5	-79,5	767	-46,8	0,2	0,2
Nga	158	438,7	278,8	660	-52,3	0,1	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu mặt hàng mây, tre, cói, thảm trong kỳ

(Từ 05/9/2023 đến 19/9/2023)

Theo số liệu thống kê sơ bộ, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm mây, tre, cói, thảm trong kỳ từ 05/9/2023 đến 19/9/2023 đạt 30,28 triệu USD, tăng 9,3% so với kỳ trước (từ 22/8/2023 đến 05/9/2023). Trong đó, kim ngạch xuất khẩu thảm đạt 16,98 triệu USD, tăng 6,6% so với kỳ trước; lục bình đan đạt 4,47 triệu USD, tăng 15,0%; cói đan đạt 2,81 triệu USD, tăng 13,3%; tre đan đạt 2,20 triệu USD, tăng 8,8%; mây đan đạt 1,45 triệu USD, giảm 8,1%.

Trong kỳ vừa qua, sản phẩm mây, tre, cói, thảm được xuất khẩu sang 58 thị trường; trong đó, xuất khẩu sang thị trường Mỹ đạt 11,64 triệu USD, tăng 171,2% so với kỳ trước; Nhật Bản đạt 4,92 triệu USD, tăng 9,2%; Ấn Độ đạt 1,40 triệu USD, tăng 32,3%; Tây Ban Nha đạt 1,16 triệu USD, tăng 114,6%...

Một số lô hàng xuất khẩu đạt giá cao trong kỳ vừa qua như: Giường tre, quy cách: 122 x 250 cm, xuất khẩu sang thị trường Ixraen có giá 380,0 USD/cái (FOB cảng Cát Lái); thảm cói hình chữ nhật kích thước 300x1080cm xuất khẩu sang thị trường Mỹ có giá 238,1 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); Chậu tre trắng xi măng hình tròn bộ 3 – kích thước: 90.0x90.0x90.0H/ 75.0x75.0x80.0H/ 55.0x55.0x60.0H (cm), xuất khẩu sang thị trường Bỉ có giá 225,6 USD/bộ (FOB cảng Cái Mép); đôn cốt tre, khảm trai, (D91xH44.5cm) xuất khẩu sang thị trường Australia có giá 147,5 USD/cái (FOB cảng Tân Vũ); chậu tre trắng xi măng hình tròn – kích thước: 90.0x90.0x90.0H (cm), xuất khẩu sang thị trường Hà Lan có giá 121,2 USD/cái (FOB cảng Gemalink)...

Một số lô hàng mây, tre, cói, thảm xuất khẩu trong kỳ (Giá: FOB)

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Đan Mạch	Giò cói bộ 2, kích thước L: Dia 45x H63; S: Dia 40x H57 cm	Bộ	260	43,2	Cảng Xanh
	Khung gương mây; KT: 28cm x 3cm x 28/34cm	Cái	400	6,9	Hải Phòng
Đức	Giò đan bằng mây màu ghi, kích thước: Dia.40 x H60cm	Cái	50	45,7	Nam Định Vũ
	Đầu con voi ruột mây, kích thước: 75*30*75cm	Cái	50	30,1	Cái Mép
	Sọt ruột mây, kích thước: 50*50*76cm	Cái	60	30,1	Cái Mép
	Khung gương song mây, kích thước: 90*70*4cm	Cái	40	29,3	Cái Mép
	Giò mây, kích cỡ 60x45xH12cm	Cái	50	23,9	Hải Phòng
Anh	Thùng giặt chữ nhật (mây đan) (46x36x57cm)	Cái	200	29,0	Cái Mép
	Sọt cói, D43 x H65 cm	Cái	1.000	18,0	Cảng Xanh
	Mành trúc (BAM:SUNFACE BE) kích thước: 90x200cm	Cái	102	15,4	Cát Lái
	Giò tròn lớn (lục bình)(39.5x39.5x40cm)	Cái	200	14,4	Cái Mép
	Hộp cói, Dia 27 x H26 cm	Cái	200	12,9	Lạch Huyện

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
	Khay cói CHỮ NHẬT, kích thước: 66x40xH11/19 cm 50x30xH9/18 cm	Bộ	84	12,5	Tân Vũ
	Lót bàn sơn mài cốt tre kích thước (30x30x0.5)cm	Cái	500	8,4	Hải Phòng
Australia	Đôn cốt tre, khảm trai, (D91xH44.5cm)	Cái	40	147,5	Tân Vũ
	Thảm cói đan kích thước W2.1m x L3.0m	Cái	10	69,3	Hải Phòng
	Bàn coffee họa tiết khảm KTBAN-0028-01, kích thước: 76x32 (cm)	Cái	25	68,1	Tân Vũ
	Giò lục bình bộ 11 mã KL2308A (77 x 50 x 48 cm)	Bộ	30	57,0	Cát Lái
	Tủ đầu giường khảm, kích thước: 40x40x60 (cm)	Cái	30	36,9	Tân Vũ
	Thùng mây tròn dia 40, H40cm	Cái	98	28,6	Tân Vũ
Bồ Đào Nha	Kệ 4 tầng bằng tre ép, kích thước 41x25x85.5 cm	Cái	124	22,0	Cảng Xanh
	Thảm tre DUCKBOARD, kích thước 40x64x2 cm	Cái	245	7,7	Cảng Xanh
	Thang bằng tre, kích thước 190x50 cm	Cái	666	6,2	Cảng Xanh
Bỉ	Chậu tre trắng xi măng hình tròn Bộ 3 - KT 90.0x90.0x90.0H/ 75.0x75.0x80.0H/ 55.0x55.0x60.0H (cm)	Bộ	18	225,6	Cái Mép
	Khay bèo chữ nhật bốn tầng 35x45xH115cm	Cái	100	36,8	Lạch Huyện
	Giò cói hình ovan 41x57xH16/19cm	Cái	201	28,0	Lạch Huyện
	Cũi tre tròn D35xH30/70cm	Cái	91	26,6	Lạch Huyện
Braxin	Thảm làm bằng cói kích thước: 270x190 cm	Cái	25	31,3	Lạch Huyện
	Giò lục bình, D39xH42/50 D35xH40/46 D28xH35/42 cm (1 bộ 3 chiếc)	Bộ	42	18,9	Lạch Huyện
	Khay mây, kích cỡ 43x33xH6cm	Cái	500	8,9	Tân Vũ
Canada	Giò đan lục bình bộ 11 mã VT2308A (77 x 50 x 48 cm)	Bộ	130	56,5	Transimex
	Bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ D45xH56cm	Cái	120	25,4	Lạch Huyện
	Giò đan lục bình bộ 5 mã VT2301B (54 x 40 x 68 cm)	Bộ	110	22,5	Transimex
	Bình tre ghép D32 H80 cm	Cái	288	14,0	Lạch Huyện
Chilê	Bàn tre MX50; KT : Dia 40cm x H4cm	Cái	100	8,8	Hải Phòng
	Bát tre MX49 ; KT : Dia 32cm x H8cm	Cái	200	6,0	Hải Phòng
	Lồng bàn tre MX48 KT: Phi 40cm x 24cm	Cái	200	6,0	Hải Phòng
Ấn Độ	Bộ 4: 2 thùng cói tròn, 2 khay chữ nhật D40/45/35 x H52,5/54 cm, D32/36/27 x H44,5/46 cm, 45x26xH14 cm, 40x22xH12 cm	Bộ	50	43,0	Hải An
	Bộ khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, KT 40 x 25 x 4 cm và 50 x 35 x 5 cm	Bộ	25	42,3	Hải Phòng
	Khay sơn mài, cốt tre, nhiều màu, kích thước 50 x 50 x 6 cm	Bộ	25	36,9	Hải Phòng
	Thùng Cói D40 x H48/56cm	Cái	40	17,0	Hải An
	Giò cói tròn D44/46/38xH34 cm	Cái	60	15,1	Hải An
	Chao đèn mây 120 cm	Cái	50	14,2	Tân Vũ
Hà Lan	Chậu tre trắng xi măng hình tròn - KT 90.0x90.0x90.0H (cm)	Cái	22	121,2	Gemalink
	Chao đèn cói 120x32x25 cm	Cái	15	44,7	Tân Vũ
	Sọt lục bình, D58*h49cm, D44*h45cm	Bộ	56	27,4	Cái Mép
	Thảm lục bình, D35cm, set of 12x3	Bộ	120	11,0	Cái Mép
Hàn Quốc	Bộ 3 giỏ mây mã MD006/S3 kích thước L: 36 X 26 X H24M : 33 x 23 xh22S: 30 x 20 x h20cm	Bộ	24	32,7	Green Port
	Làn chữ nhật đan bằng tre; k/t: 36x26xH21/39cm	Bộ	78	10,7	Green Port
	Rá chữ nhật đan bằng nứa; k/t: 52 x 45 x H5cm	Bộ	135	8,5	Green Port
Ixaen	Giường tre, quy cách:122x250cm	Cái	46	380,0	Cát Lái
	Mái giường tre, quy cách 130x230cm	Cái	15	55,0	Cát Lái
Mexico	Rổ lục bình, Quy cách: 32.8cm x 31.8cm x 28.4cm	Cái	140	25,8	Cát Lái
	Sọt lục bình bộ 2, KT: Dia41/46/29.5xH44/50cm; Dia 31/37/25xH36/42cm	Bộ	200	21,8	Cát Lái
Mỹ	Thảm cói hình chữ nhật kích thước 300x1080cm	Cái	25	238,1	Tân Vũ
	Bàn cốt tre, khảm trai. Kích thước: Dia 91 x H 44.5cm	Cái	86	115,1	Lạch Huyện
	Ghế tre CH-280-00-03, quy cách: 130*130*85cm	Cái	48	100,0	Cái Mép
	Thảm cói hình chữ nhật kích thước 300x390cm	Cái	50	86,0	Tân Vũ
	Rương đan bằng lục bình bộ 3 cái (62x38x48,53x33x39,42x28x33) cm	Bộ	205	66,5	Cái Mép
	Đèn để bàn sơn mài cốt tre, kích cỡ 81x71xH12cm	Cái	180	65,9	Lạch Huyện
	Bộ 6 rương trang trí đan lục bình, KT: 62x50x42cm	Bộ	204	37,4	Gemalink
Bộ 2 khay tre sơn mài mã LV23TR1L/S dia40 x h5 và dia35 x h4.5cm	Bộ	144	34,0	Lạch Huyện	

Thông tin Thương mại chuyên ngành SẢN PHẨM GỖ VÀ HÀNG THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Thị trường	Tên hàng	ĐVT	Lượng	Giá (USD)	Cảng, cửa khẩu
Nga	Hộp cối bộ 4, 43x29 H20 40x25xh18, 33x22xh14, 30x15h11(cm)	Bộ	98	8,9	Cảng Xanh
	Chiếu cối đan 90x150, kích thước:90x150(cm)	Cái	210	5,5	Cảng Xanh
Pháp	Hòm mây: TTR200986 (52x48.5xH100cm)	Cái	240	42,0	Cảng Xanh
	Rương lục bình tự nhiên KT. 76x45xH45 cm	Cái	260	27,6	Tân Vũ
	Giò tre đan cối, kích cỡ D40xH52cm	Cái	100	17,2	Tân Vũ
	Lọ cốt tre đan cối, kích cỡ D20xH84cm	Cái	170	13,7	Tân Vũ
	Khung gương trang trí đan cối, kích cỡ D80xH3cm	Cái	204	12,7	Tân Vũ
	Giò cối GKK361; KT: 35 cm x 35cm x 34cm	Cái	500	12,6	Tân Vũ
Tây Ban Nha	Ghế tre. KT: 180x70x35/80cmH	Cái	100	74,1	Cái Mép
	Giường tre. KT: 200x70x30cmH	Cái	100	28,8	Cái Mép
	Giò mây chữ nhật L60 x W40 x H40 cm	Cái	300	28,2	Cảng Xanh
	Chụp đèn mây kích thước D29/57H41cm	Cái	40	20,3	Nam Đình Vũ
	Kệ tre. KT: 55x35x145cmH	Cái	240	18,0	Cái Mép
	Kệ mây 2 tầng L44xW25xH45 cm	Cái	550	14,5	Cảng Xanh

(Thông kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ

Trung Quốc tăng cường kích cầu bất động sản, mang lại lợi ích cho thị trường gỗ

Dẫn nguồn globalwood.org, theo báo cáo Chỉ số Gỗ Toàn cầu (GTI) tháng 8/2023, thị trường gỗ Trung Quốc đang tăng trưởng mặc dù không đủ đơn đặt hàng xuất khẩu. Báo cáo GTI theo dõi ngành gỗ ở 7 quốc gia thí điểm trên thế giới.

GTI của Trung Quốc đạt 52,6% trong tháng 8/2023, đây là tháng thứ hai liên tiếp vượt ngưỡng 50% (cho thấy sự tăng trưởng trong lĩnh vực này). Đáng chú ý, Trung Quốc ban hành chính sách nhà ở quốc gia mới vào cuối tháng 8/2023, 4 thành phố hạng nhất ở Trung Quốc là Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu và Thâm Quyển đã thông báo: “các gia đình không sở hữu tài sản trong khu vực, bất kể họ có mua nhà hay không, khoản vay để mua nhà trước đây sẽ được coi là người mua nhà lần đầu đủ điều kiện để được hưởng các điều kiện thế chấp thuận lợi”. Chính sách này có thể thúc đẩy tăng trưởng thị trường gỗ ở Trung Quốc.

Ngành gỗ ở Indonesia tương đối ổn định trong tháng 8/2023. GTI giảm nhẹ xuống 48,1% (giảm từ 50,0%), nhưng doanh thu và sản xuất tăng và đơn hàng xuất khẩu ổn định.

Ngành gỗ giảm ít hơn so với những tháng trước ở Braxin, Congo và Malaysia, với chỉ số GTI đều tăng nhẹ trong tháng 8/2023, lần lượt lên 36,1%, 36,0% và 37,9%. Tin tức không mấy khả quan ở Gabon và Mexico, với GTI giảm mạnh, lần lượt xuống 37,2% (từ 51,3%) và 33,6% (từ 43,4%).

EU đặt ra giới hạn mới về formaldehyde trong sản phẩm tiêu dùng

Theo nguồn globalwood.org, các biện pháp mới được Ủy ban Châu Âu thông qua vào tháng 7/2023, đã thiết lập giới hạn phát thải tối đa đối với formaldehyde trong các sản phẩm tiêu dùng. Các quy tắc nhằm giảm tác động xấu đến sức khỏe liên quan đến việc tiếp xúc với formaldehyde. Đối với các sản phẩm gỗ và đồ nội thất bằng gỗ cũng như nội thất của phương tiện giao thông đường bộ, giới hạn liên quan trong thời gian tới là 0,062 mg/m3 formaldehyde trong không khí trong nhà. Đối với tất cả các mặt hàng khác như dệt

may, da, nhựa, vật liệu xây dựng hoặc sản phẩm điện tử, giới hạn mới là 0,080 mg/m³.

Theo Ủy ban Châu Âu, hầu hết formaldehyde được sản xuất hoặc nhập khẩu ở Liên minh Châu Âu đều được sử dụng để sản xuất nhựa gốc formaldehyde, loại nhựa được sử dụng trong nhiều loại sản phẩm, nhưng chủ yếu là trong sản xuất tấm gỗ. Những loại nhựa này cũng được sử dụng để làm đồ nội thất và sàn nhà cũng như các bộ phận của phương tiện giao thông đường bộ. Ủy ban Châu Âu coi các sản phẩm làm từ gỗ là nguồn phát thải formaldehyde chính trong không khí trong nhà, đặc biệt là ở những ngôi nhà mới xây. Theo Ủy ban Châu Âu, trong văn bản quy định rằng giới hạn phát thải thấp hơn đối với những mặt hàng và sản phẩm này “giúp tăng cường bảo vệ người tiêu dùng, đồng thời hạn chế chi phí kinh tế xã hội đối với những lĩnh vực không đóng góp vào mức phát thải tương ứng”.

Các nhà sản xuất sẽ có 36 tháng để tuân thủ các quy định mới. Do thời gian tiếp thị và phát triển phương tiện giao thông đường bộ kéo dài nên quy định nêu rõ rằng các nhà sản xuất ngành ô tô sẽ có thêm thời gian là 48 tháng để tuân thủ. Ủy ban châu Âu hy vọng các bên liên quan sẽ sử dụng thời gian này để phát triển các phương pháp phân tích nhằm kiểm tra lượng phát thải formaldehyde và triển khai các sản phẩm không chứa formaldehyde hoặc các sản phẩm có lượng phát thải formaldehyde thấp. Nhằm bảo vệ sức khỏe con người và môi trường, Cơ quan Hóa chất Châu Âu, cơ quan thực hiện luật hóa chất của Liên minh Châu Âu, sẽ phát triển hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nhất quán các điều kiện thử nghiệm để đo lượng phát thải formaldehyde.

THAM KHẢO

Thương vụ Việt Nam tại Australia lưu ý nguy cơ về gian lận thương mại

Thương vụ Việt Nam tại Australia lưu ý các doanh nghiệp Việt Nam cần trang bị đầy đủ thông tin và kỹ năng nghiệp vụ để tránh rủi ro trước hành vi gian lận thương mại, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh.

Gian lận thương mại là hành vi sử dụng mách khéo, lừa đảo trong lĩnh vực thương mại thông qua hoạt động mua, bán, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ nhằm thu lợi bất chính.

Trong bối cảnh thương mại quốc tế tiềm ẩn nhiều rủi ro về gian lận và nguy cơ lừa đảo, các doanh nghiệp Việt Nam cần được trang bị đầy đủ thông tin và kỹ năng nghiệp vụ cần thiết để có thể tránh các rủi ro và tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh cũng như hoạt động thành công tại các thị trường nước ngoài, trong đó có Australia.

Theo Tham tán Thương mại, Thương vụ Việt Nam tại Australia, tại Australia cũng xảy ra một số trường hợp nhà nhập khẩu không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ, cho nhà xuất khẩu Việt Nam. Tuy nhiên, thời gian gần đây Thương vụ không thấy xảy ra tình trạng lừa đảo quy mô lớn.

Về các giải pháp mà Thương vụ Việt Nam tại Australia đưa ra để hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam, ông Nguyễn Phú Hòa cho biết tùy theo từng trường hợp, Thương vụ đưa ra đề xuất để doanh nghiệp quyết định.

Thứ nhất, nếu đó là nhà nhập khẩu nhỏ, thanh toán chậm, mặt hàng không để lâu được, Thương vụ đề nghị kiên quyết thu lại hàng hóa, có thể bán cho đơn vị khác để thu hồi vốn.

Thứ hai, đối với những nhà nhập khẩu vẫn có thể liên lạc được và nhận thấy có thiện chí, Thương vụ sẽ phân tích để nhà nhập khẩu hợp tác vì lợi ích lâu dài.

Thứ ba, đối với các trường hợp khi trao đổi, thấy có dấu hiệu né tránh, Thương vụ đề nghị doanh nghiệp Việt Nam tham khảo ý kiến và làm việc với luật sư ngay. Quy trình sẽ là tiến hành điều tra trước khi khởi kiện do chi phí khởi kiện rất tốn kém và phải xác định

khả năng thu hồi, đặc biệt là các doanh nghiệp bỏ trốn hoặc khai báo phá sản.

Qua một số vụ việc diễn ra tại địa bàn cũng như những bài học rút ra từ các hành vi gian lận thương mại tại một số nước, Tham tán Nguyễn Phú Hòa đã đưa ra một số khuyến cáo cho doanh nghiệp. Một là, tại Australia, việc kiện tụng khá tốn kém.

Do vậy, trước khi ký hợp đồng, doanh nghiệp cần nghiên cứu kỹ, cố gắng tránh để xảy ra tranh chấp, kiện cáo. Nếu cần thiết, trước khi ký hợp đồng, các doanh nghiệp Việt Nam có thể đề nghị Thương vụ xác minh về đối tác.

Đối với các hợp đồng lớn, cần phải có kỹ năng chuyên môn để nghiên cứu, xem xét kỹ về đối tác. Nếu cần thiết, phải mua các thông tin có liên quan và làm việc với luật sư tại Australia và Thương vụ sẽ phối hợp hỗ trợ.

Hai là, Australia có loại thị thực (visa) dành cho người nước ngoài tạm trú và đầu tư kinh doanh, có loại hình với số vốn kinh doanh không phải là lớn, nên nếu hợp tác, nhất là doanh nghiệp nhỏ lẻ, cần phải hết sức chặt chẽ ngay từ đầu.

Ba là, đối với việc thu hồi nợ, doanh nghiệp cần có bộ phận theo dõi sát sao, tránh tình trạng mong muốn có hợp đồng lớn hơn mà nợ chồng nợ. Bốn là, Thương vụ có hệ thống luật sư hỗ trợ, giúp đỡ, vì vậy nếu doanh nghiệp nào cần có thể liên hệ. Những bước tư vấn ban đầu sẽ được luật sư miễn phí theo cam kết với Thương vụ.

Năm là, tại Australia, việc thành lập các tổ chức, hiệp hội doanh nghiệp rất đơn giản, tên gọi cũng dễ đặt. Khác với Việt Nam, các hiệp hội có ràng buộc chặt chẽ và có mạng lưới hội viên đông đảo.

Do vậy, không chỉ trong hợp tác kinh doanh mà trong việc thực hiện các xúc tiến thương mại, đầu tư, các doanh nghiệp cần chọn đối tác thực chất để tránh tổn kém, không hiệu quả.

Sáu là, ở chiều ngược lại, nếu nhà xuất khẩu Việt Nam không cam kết đúng hợp đồng, không giữ chữ tín, Thương vụ cũng sẽ giúp nhà nhập khẩu Australia đòi lại công bằng.

Indonesia áp dụng thuế tự vệ bổ sung đối với sản phẩm thảm và các loại hàng dệt trải sàn nhập khẩu

Theo Cục Phòng vệ thương mại (PVTM) – Bộ Công Thương nhận được thông tin về việc Ủy ban Tự vệ Indonesia (KPPI) ban hành thông báo áp dụng thuế tự vệ đối với một số sản phẩm thảm và hàng dệt trải sàn nhập khẩu vào Indonesia.

1. Về sản phẩm bị điều tra/áp dụng thuế tự vệ

Tên gọi: Thảm và các loại hàng dệt trải sàn có mã HS được phân loại tại Chương 57.

2. Mức thuế tự vệ và thời gian áp dụng

Năm	Thuế tự vệ
Thứ nhất (17/02/2021 – 16/02/2022)	Rp. 85,679/m ²
Thứ hai (17/02/2022 – 16/02/2023)	Rp. 81,763/m ²
Thứ ba (17/02/2023 – 16/02/2024)	Rp. 78,027/m ²

Thông tin chi tiết đề nghị liên hệ: Phòng Xử lý PVTM nước ngoài, Cục PVTM, Bộ Công Thương, số 23 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Chuyên viên phụ trách: Bùi Anh Dũng. Email: dungban@moit.gov.vn; ducpg@moit.gov.vn.

Bản tin Thông tin Thương mại chuyên ngành **Sản phẩm gỗ & Hàng TCMN**

Giấy phép xuất bản: **46/GP-XBBT** do Cục Báo chí cấp ngày 18 tháng 8 năm 2023

Kỳ hạn xuất bản: **Hàng tuần**

In tại: **Hà Nội**